

## LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Việc gia nhập các tổ chức quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội đã mở ra con đường hội nhập rộng lớn với Việt Nam. Trong quá trình hội nhập bên cạnh những cơ hội đều có những thách thức buộc chúng ta phải có những biện pháp phát triển kinh tế, đủ sức cạnh tranh với thị trường nước ngoài đang ồ ạt tiến vào nước ta.

Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh, các doanh nghiệp cũng đóng góp vai trò to lớn của mình cùng cả nước đưa Việt Nam ngày càng phát triển, có vị trí xứng đáng trên trường quốc tế.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng. Việt Nam đã dần trở thành một thị trường sôi động. Trong phần đóng góp của các doanh nghiệp phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào quản lý tài chính của nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó nên trong thời gian thực tập tại Xí nghiệp 7 – công ty xây dựng 319 em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: "**Hoàn thiện tổ**

**chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7 – CT xây dựng 319 "**. Kết cấu của bài luận văn gồm 3 phần:

*Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

*Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7- CT xây dựng 319.*

*Chương 3: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7- CT xây dựng 319.*

Được sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của ThS Trần Thị Thanh Phương cùng các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Nhưng do trình độ nghiệp vụ, hiểu biết thực tế của em còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi nhiều thiếu sót. Em mong nhận đ- ợc sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em đ- ợc hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ThS Trần Thị Thanh Phương và các thầy cô, các cô chú đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

Sinh viên

***Nguyễn Quang Mạnh***

## CHƯƠNG 1:

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Các loại hoạt động trong doanh nghiệp và cách xác định kết quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.**

- Doanh thu bán hàng: Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

- Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Cách xác định kết quả các hoạt động:

Kết quả từ hoạt động SXKD (bán hàng và cc dịch vụ)	=	Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn của hàng xuất bán và CP thuế TNDN	-	CPBH và CPQLDN
Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác		
Kết quả từ hoạt động tài chính	=	Tổng DT thuần về hoạt động tài chính	-	Chi phí về hoạt động tài chính		

## **1.2. Sự cần thiết của việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí hay xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các loại sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường thông qua quá trình bán hàng với mục tiêu lợi nhuận. Với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế, cạnh tranh ngày càng diễn ra gay gắt đòi hỏi các doanh nghiệp muốn đứng vững và có uy tín trên thị trường phải luôn quan tâm tới việc quản lý chặt chẽ và có hiệu quả chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận.

Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, nó có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp, bởi vì thông qua quá trình này vốn của doanh nghiệp được chuyển hoá từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị, giúp cho các doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình tái sản xuất.

Từ việc nghiên cứu doanh thu bán hàng và xác định kết quả bán hàng giúp doanh nghiệp đưa ra các biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng doanh thu, giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

## **1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

- Kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng được yêu

cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhập, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

#### **1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

##### **1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất .**

###### **1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.**

**\* *Khái niệm:***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

**\* Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

**\* Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng:**

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu

tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

***\* Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:***

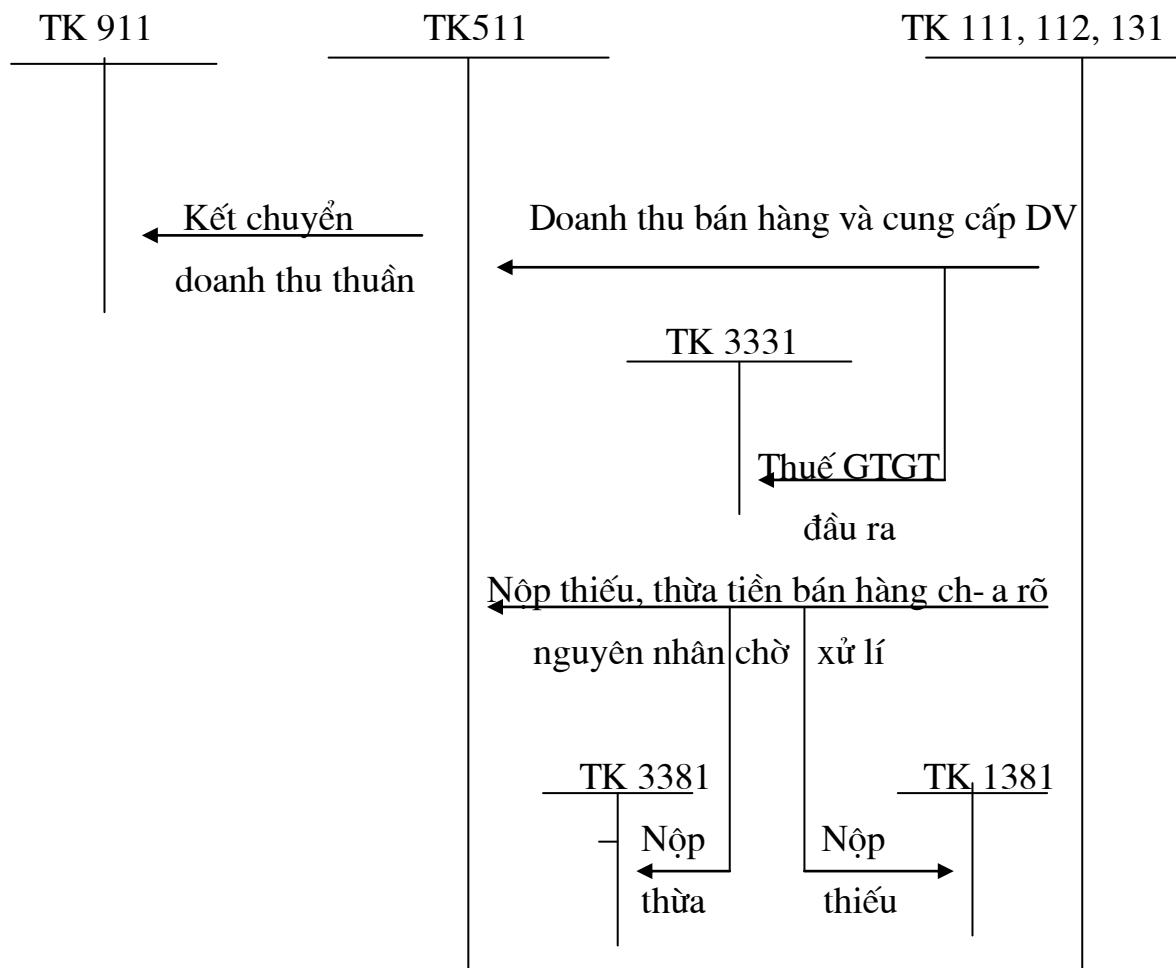
**- Phương thức tiêu thụ trực tiếp:**

Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã

quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

**Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp bán buôn, bán lẻ**



- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

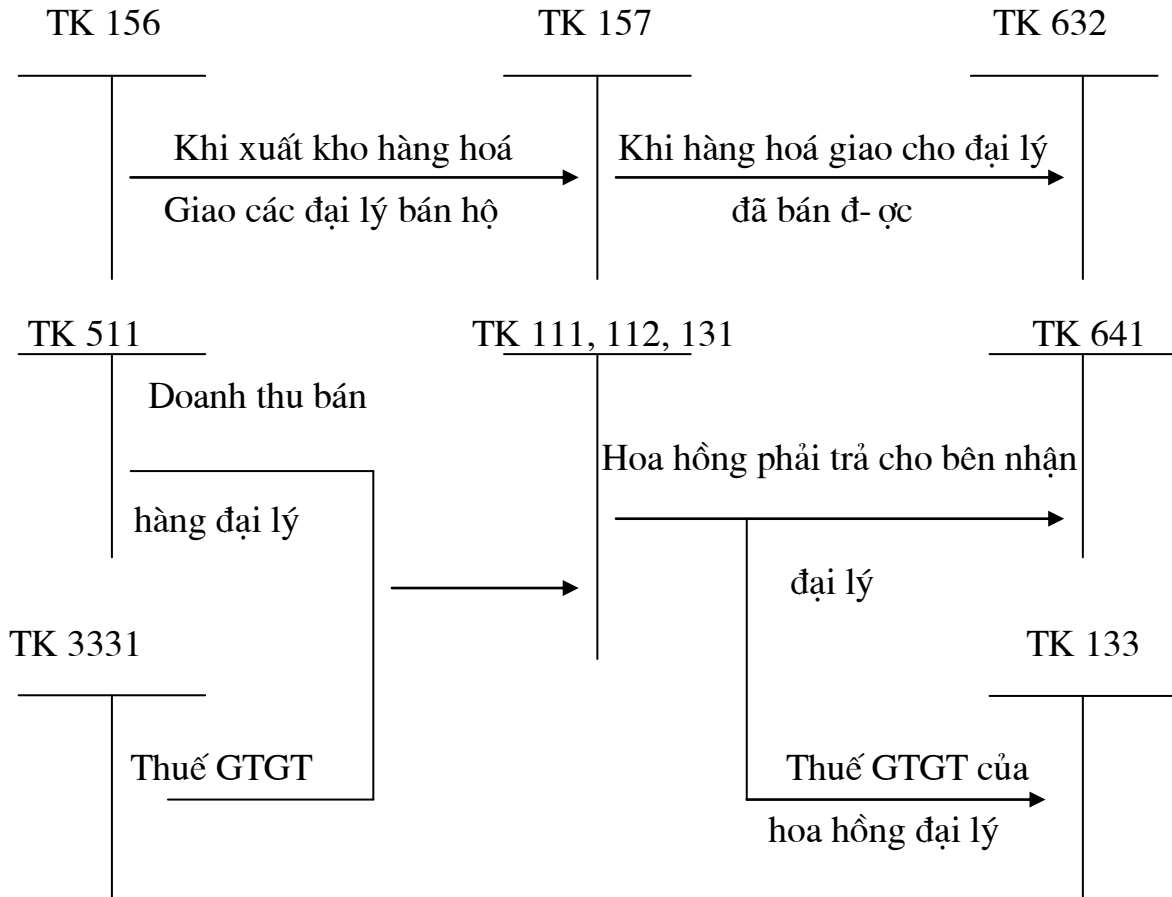
Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: số sản phẩm, hàng hoá nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.



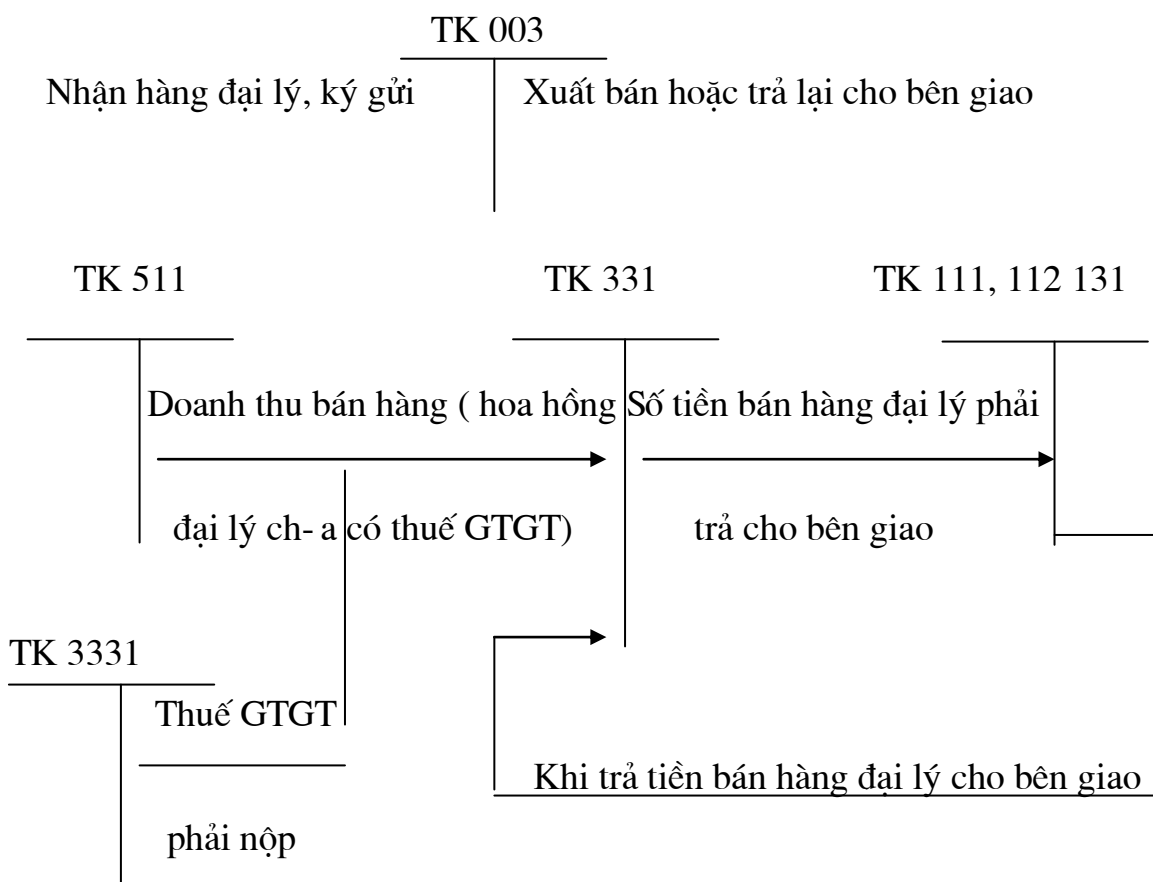
+ Tr- ờng hợp DN là đơn vị giao đại lý

**Sơ đồ 1.3 : Hạch toán tr ởng hợp doanh nghiệp là đơn vị giao đại lý**



Tr- ờng hợp DN là đơn vị nhận bán hàng đại lý , bán đúng giá h- ởng hoa hồng.

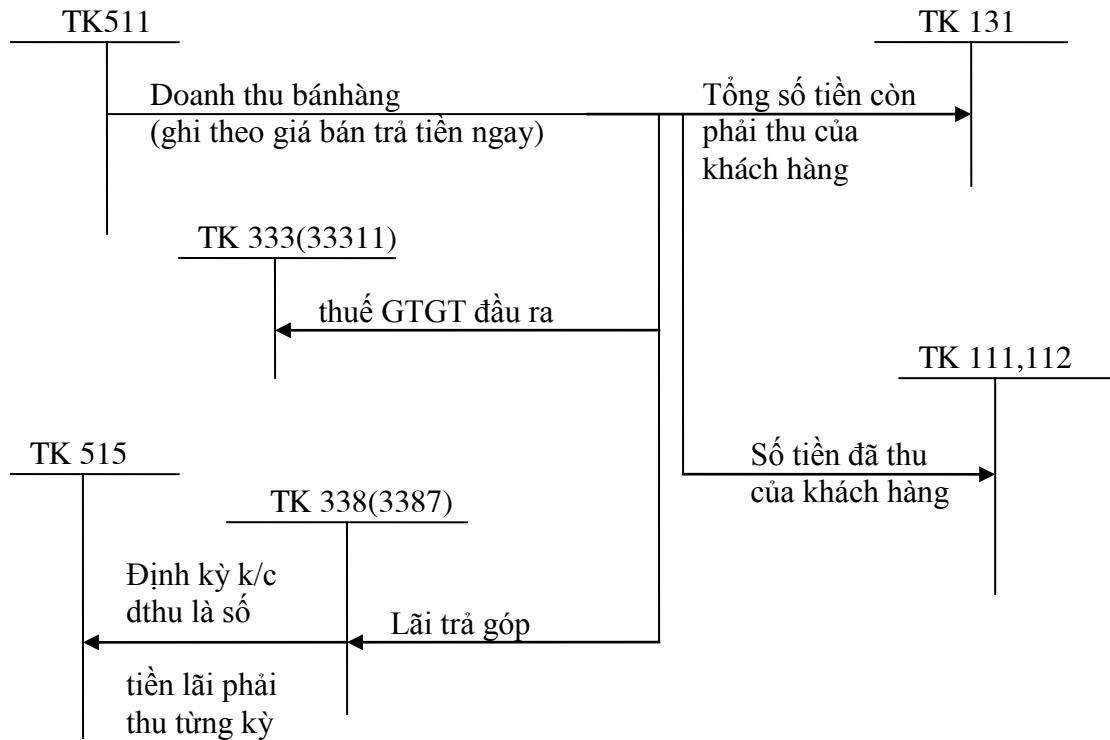
**Sơ đồ 1.4: Hạch toán tr ởng hợp DN nhận bán hàng đại**



- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

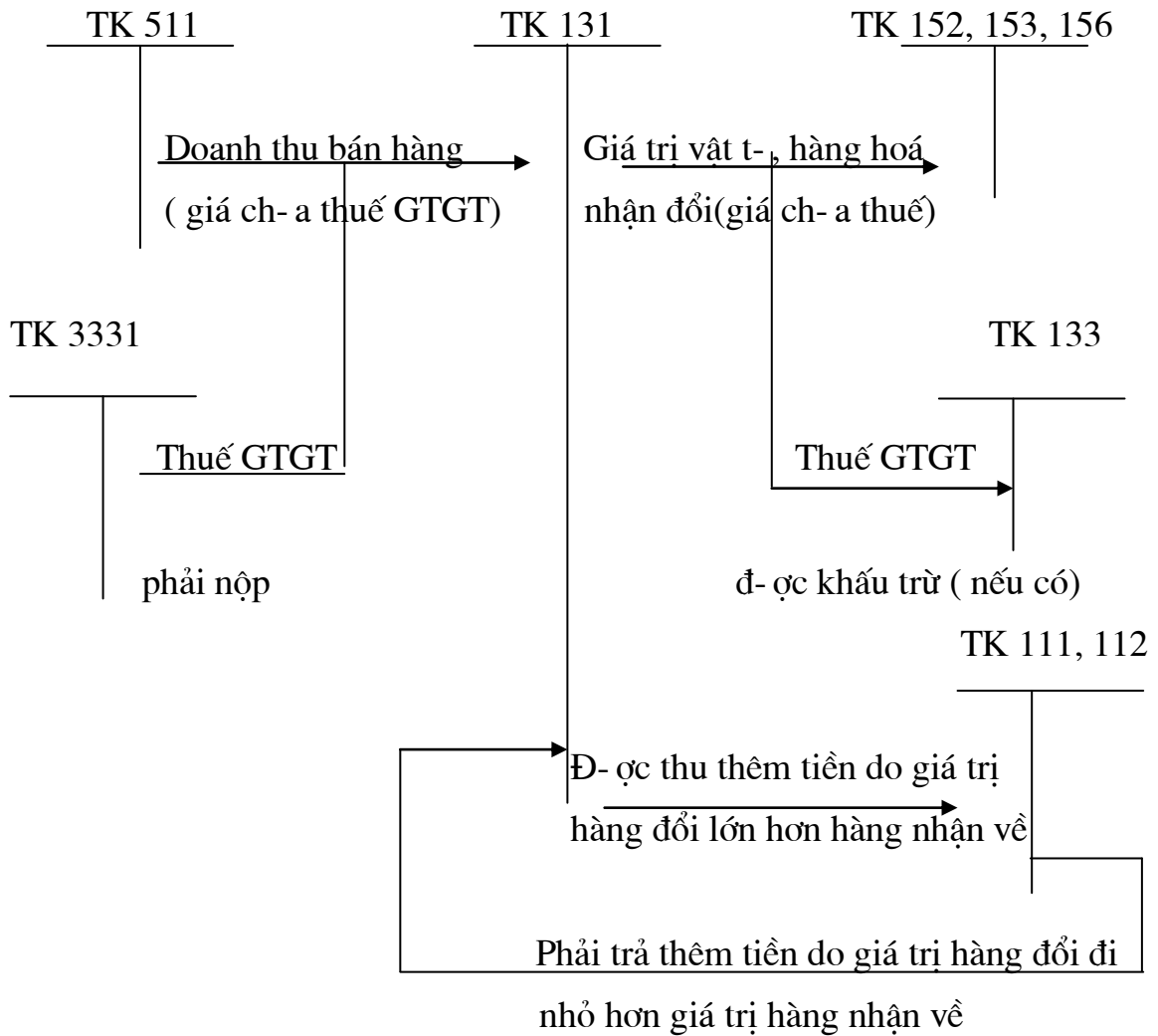
**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm ( hoặc trả góp)**



- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán nghiệp vụ hàng đổi hàng**



**\* Các khoản làm giảm doanh thu bán hàng.**

**-Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại: là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng hoá, đối với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

**-Giảm giá hàng bán:**

Giảm giá hàng bán: là số tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua trên giá đã thoả thuận do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, thời hạn đã được quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc ưu đãi đối với những khách hàng mua sản phẩm của doanh nghiệp với khối lượng lớn.

-Hàng bán bị trả lại:

Hàng bán bị trả lại: là số tiền doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng do vi phạm các điều kiện cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng hoá kém chất lượng, hàng hoá sai quy cách, chủng loại...

-Thuế xuất nhập khẩu:

Thuế xuất nhập khẩu: Thuế xuất nhập khẩu hay thuế xuất-nhập khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế. Đó là thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu.

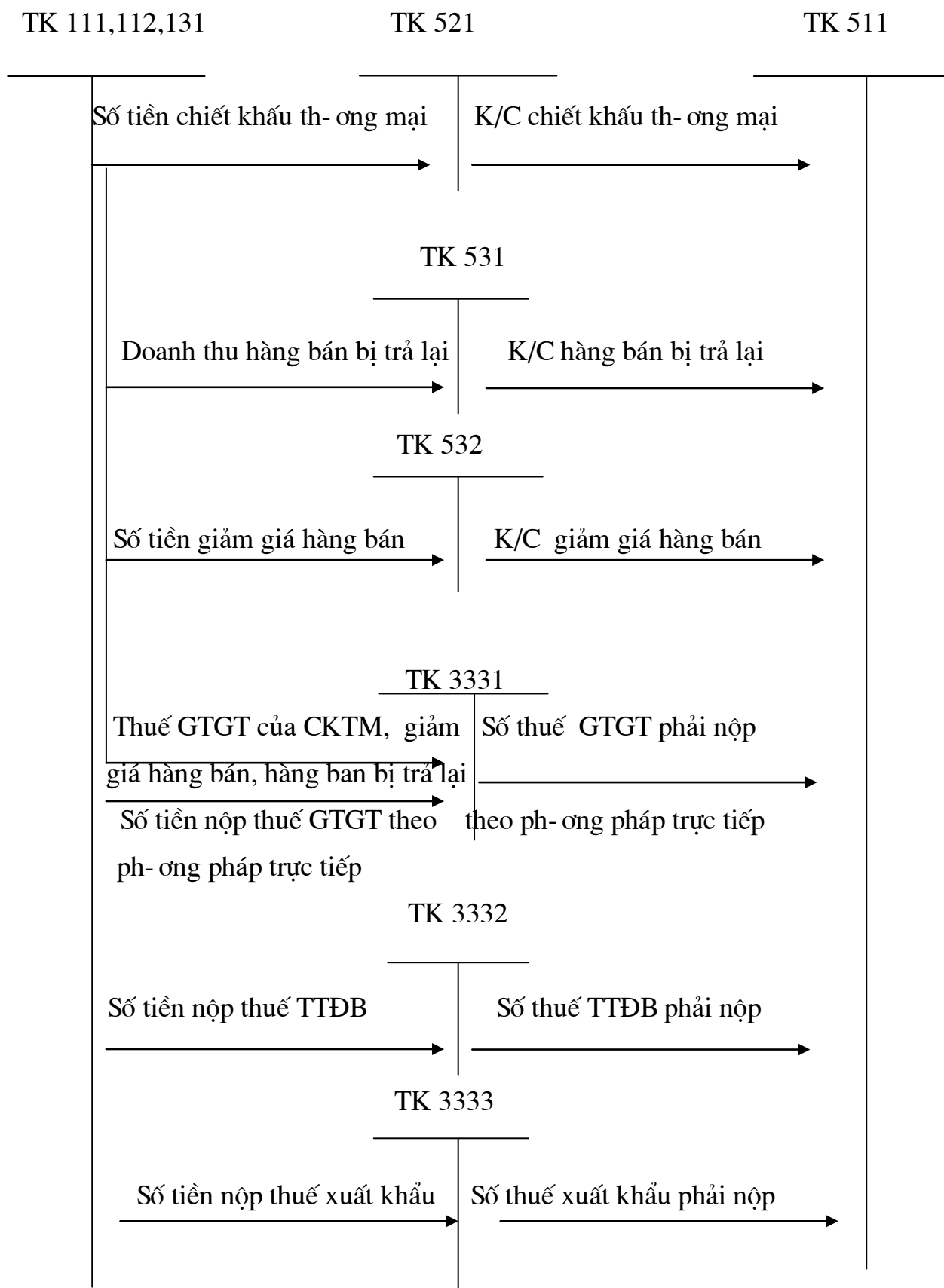
-Thuế tiêu thụ đặc biệt:

Thuế tiêu thụ đặc biệt: Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

-Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

**Sơ đồ 1.6: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng**



**\* Thời điểm ghi nhận doanh thu.**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ... mà người bán đã chuyển giao.

**\* Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

- Chứng từ sử dụng:

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

+ **TK 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán nếu có. Số tiền bán hàng được ghi trên Hoá đơn (GTGT), Hoá đơn bán hàng hoặc trên các chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thoả thuận giữa người mua và người bán.

TK 511 có 5 TK cấp 2:

▪ TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.

- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
  - TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
  - TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
  - TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- + **TK 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ: được sử dụng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng tổng công ty, tập đoàn.

TK 512 có 3 TK cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá nội bộ.
- TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.
- TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511,512

Nợ	TK 511,512	Có
-Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp -Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán. -Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		-Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

*TK 511,512 không có số dư cuối kỳ*

#### 1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

**Giá vốn hàng bán:** Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ giá vốn là bao gồm giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- Đối với DN sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực



tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với DN thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Trong đó:

+ Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được xác định theo một phương pháp tính giá trị giá hàng tồn kho.

+ Chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán: Do chi phí mua hàng liên quan đến nhiều chủng loại hàng hóa, liên quan cả đến khối lượng hàng hóa trong kỳ và hàng hóa đầu kỳ, cho nên cần phân bổ chi phí mua hàng cho hàng đã bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ.

Công thức:

$$\text{Chi phí mua hàng phân bổ cho HH} = \frac{\text{Chi phí mua hàng của HH tồn kho đầu kỳ} + \text{Chi phí mua hàng của HH phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của HH tồn cuối kỳ và HH đã xuất bán trong kỳ}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của HH đã xuất bán trong kỳ}$$

Trong đó: "HH tồn kho cuối kỳ" bao gồm cả hàng hóa tồn trong kho; hàng hóa đã mua nhưng còn đang đi trên đường và hàng hóa hàng gửi bán nhưng chưa được chấp nhận.

-Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Phương pháp bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Lượng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là nhập lần 1).

Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập chúng ta sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

Phương pháp thực tế đích danh.

Theo phương pháp này khi xuất kho mặt hàng nào thì lấy theo giá của mặt hàng đó.

- Chứng từ và tài khoản sử dụng.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- Bảng tính và phân bổ: NVL – công cụ, dụng cụ.

Kết cấu, nội dung TK 632 – "Giá vốn hàng bán"

Bên Nợ:

- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ (-) phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

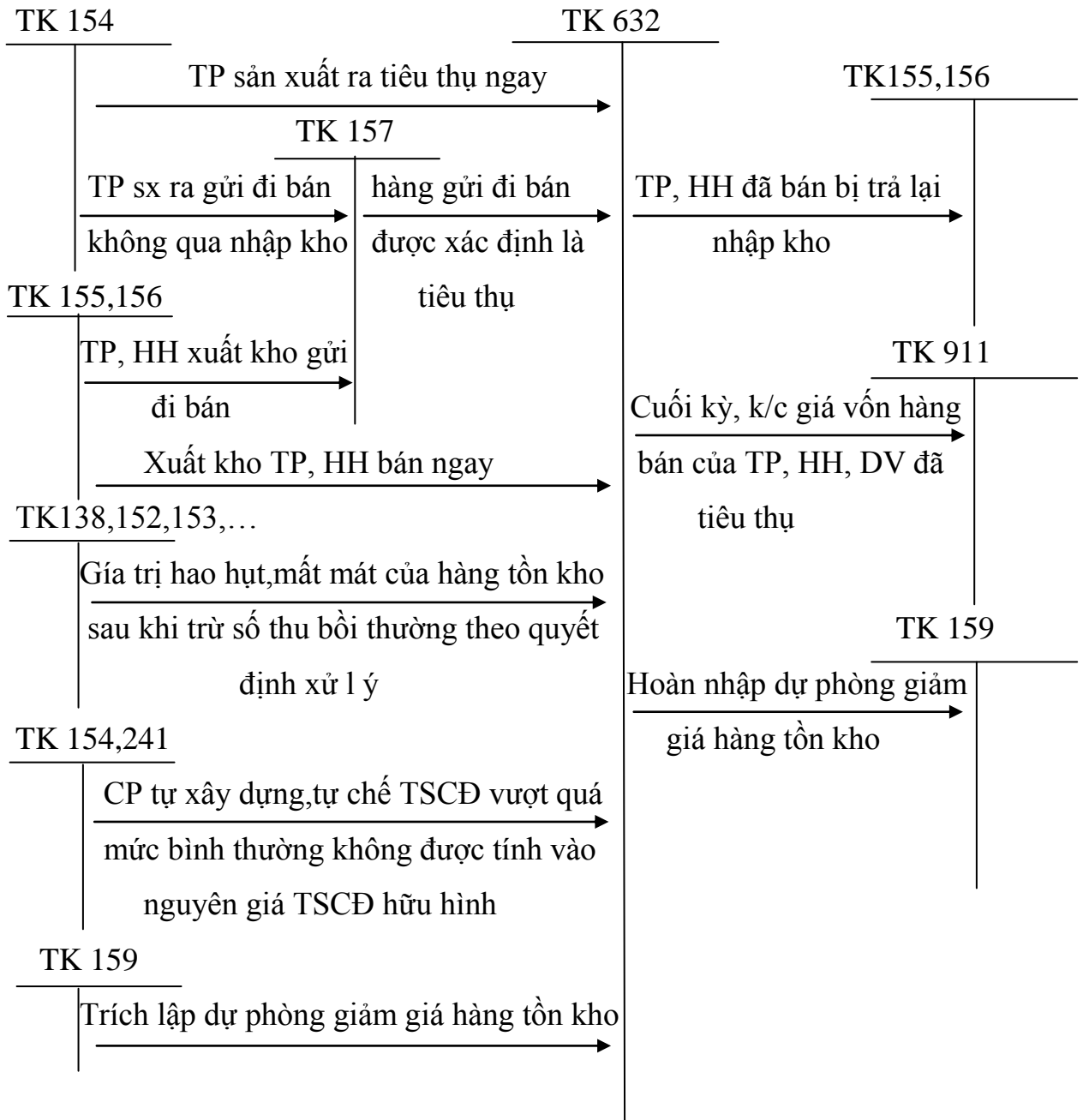
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

**Bên Có:**

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12) (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX**



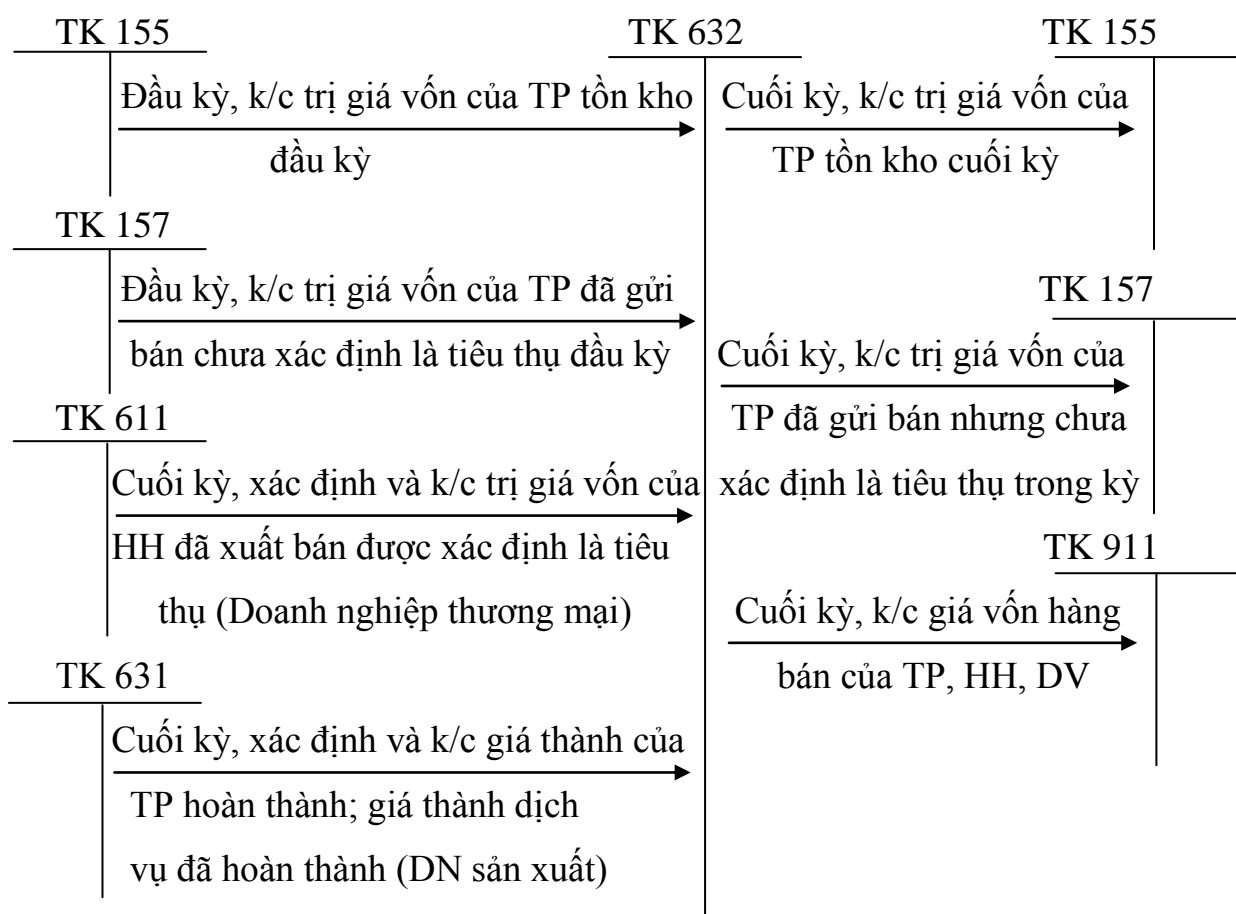
**\* Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Nợ	TK 632	Có
-Trị giá vốn thành phẩm (TP) tồn kho đầu kỳ.		- K/c trị giá vốn TP tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155.
-Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.		- K/c trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên nợ TK 157
-Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành.		- K/c giá vốn HH,TP,DV đã xuất bán sang TK 911- Xác định KQKD.
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

*TK 632 không có số dư cuối kỳ*

❖ Phương pháp hạch toán.

**Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.**



### 1.4.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CC-DC, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 641 – Chi phí bán hàng. TK 641 có 7 TK cấp 2 như sau:
  - + TK 6411: Chi phí nhân viên.
  - + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
  - + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
  - + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - + TK 6415: Chi phí bảo hành.
  - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:
  - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
  - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
  - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
  - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

Nợ	TK 641	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có). - K/c chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911	
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

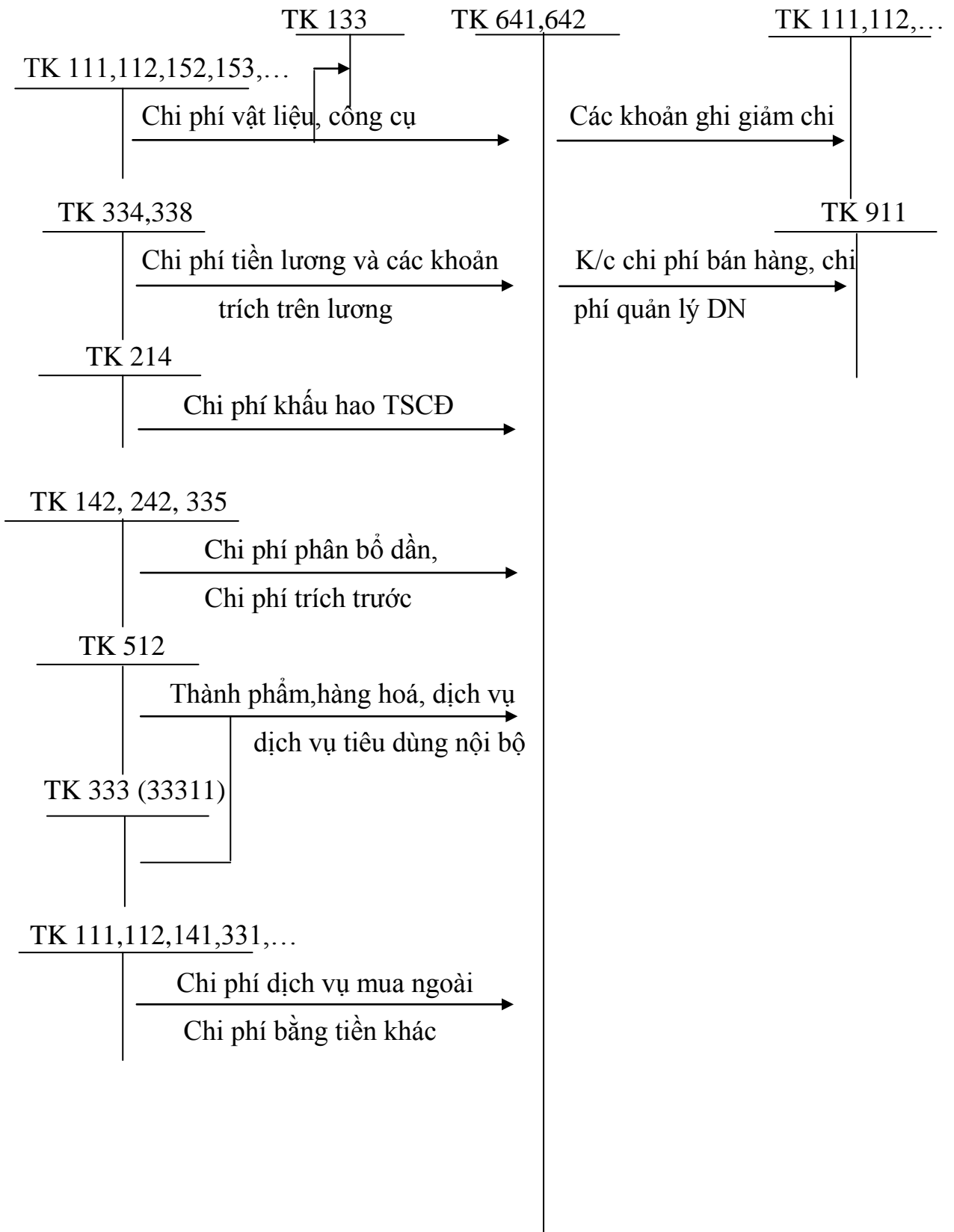
*TK 641 không có số dư cuối kỳ*

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản được phép ghi giảm thực chi phí quản lý doanh nghiệp. - K/c chi phí QLDN sang bên Nợ TK 911	
$\Sigma$ Số phát sinh Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh Có

*TK 642 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN**





**1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .****1.4.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

\* Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ DN) (Nếu là cho thuê hoạt động, cho thuê BĐSĐT thì hạch toán vào TK 511);

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

**\* Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

**Bên Nợ:**

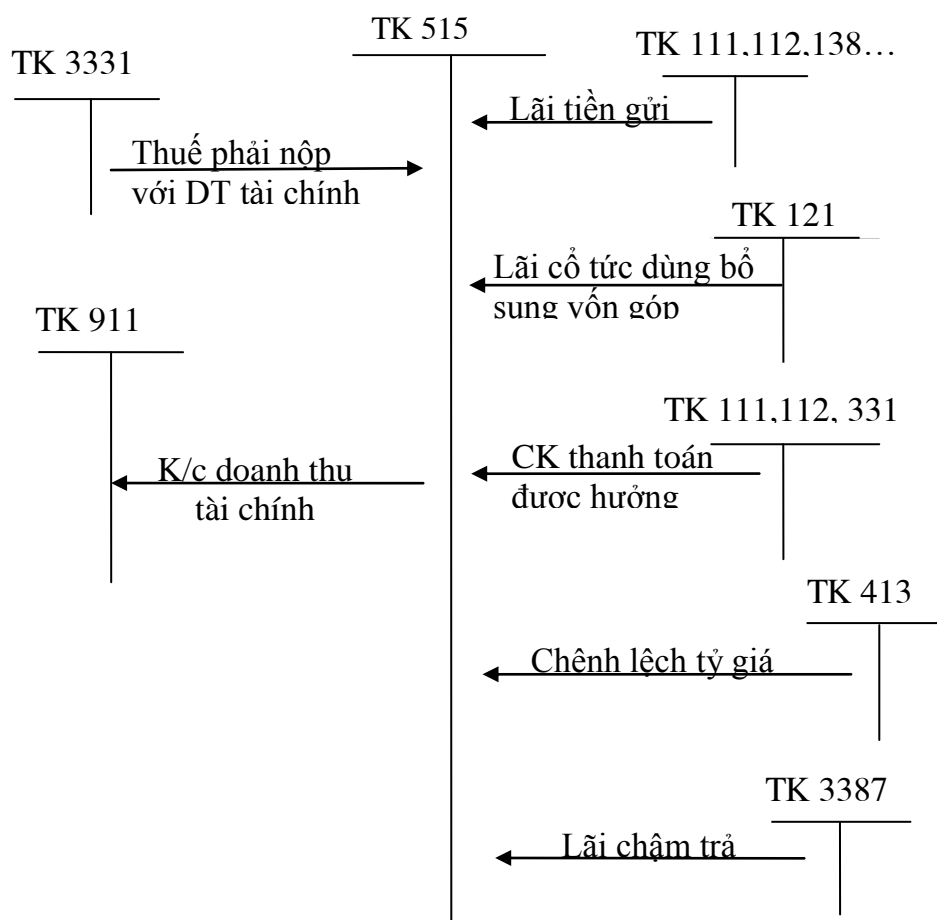
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515**



**1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.**

\* Khái niệm Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

**\* Kế toán chi phí hoạt động tài chính.**

Tài khoản sử dụng: TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

**Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí của hoạt động tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;

- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn và phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ;

- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

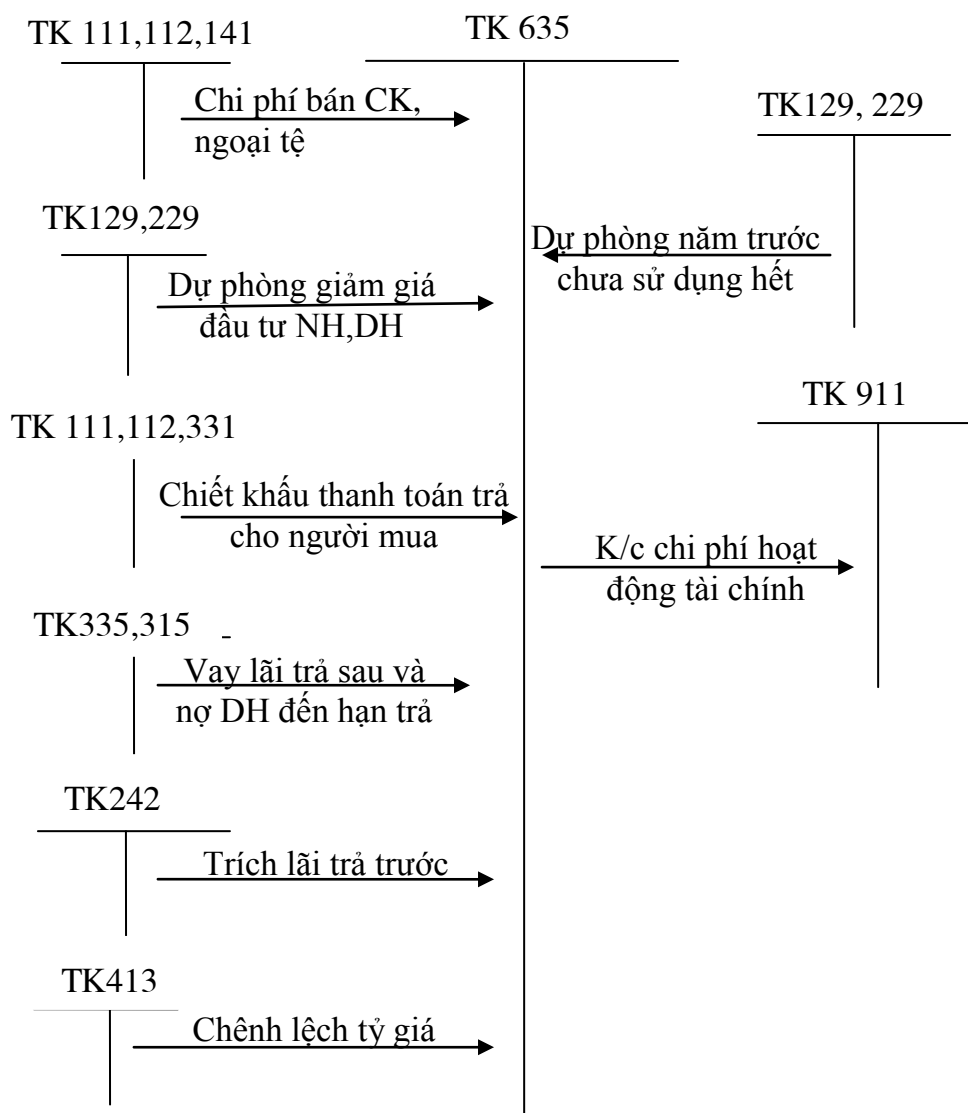
- Chi phí đất chuyên nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.

**Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 635**



**1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác .**

**1.4.3.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác.**

- Khái niệm thu nhập khác.

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

**\* Kế toán thu nhập khác.**

Chúng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

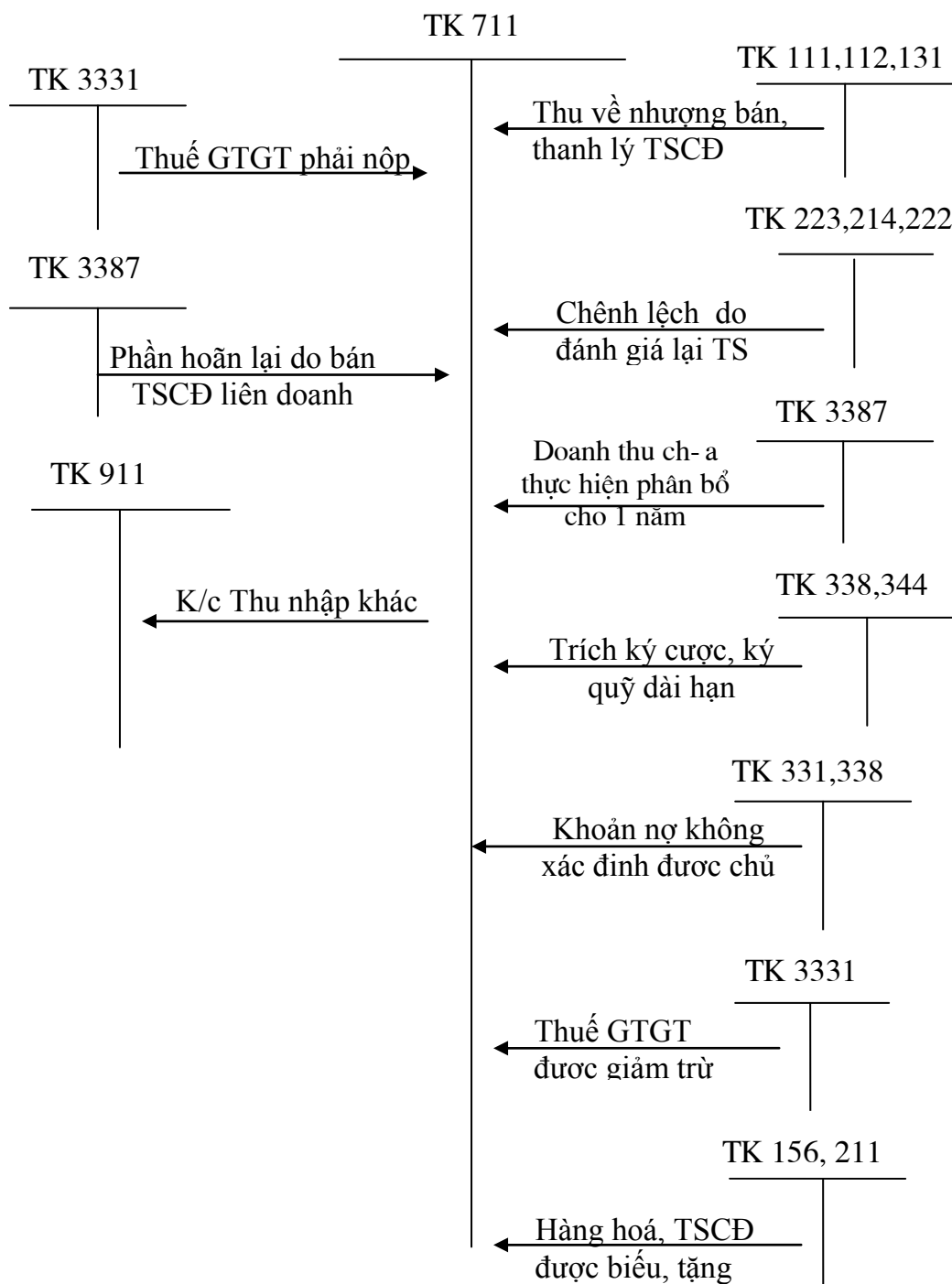
❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác. Kết cấu TK 711 như sau:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp). - Cuối kỳ, k/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

*TK 711 không có số dư cuối kỳ.*

**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



**1.4.3.2. Tổ chức kế toán chi phí khác .**

- Khái niệm chi phí khác.

Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý,

nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

**- Kế toán chi phí khác.**

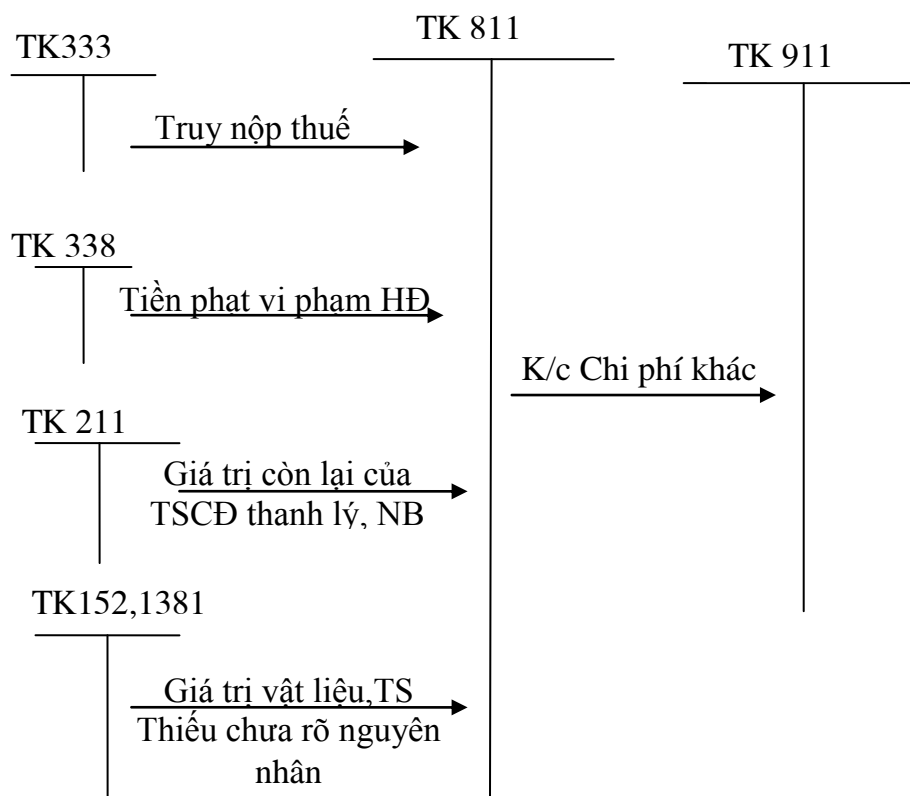
Tài khoản hạch toán: TK 811 "Thu nhập khác".

Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác. Kết cấu TK 811 như sau:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh		- Cuối kỳ, k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

*TK 811 không có số dư cuối kỳ*

**Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế của TK 811**



**1.4.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**\* Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.**

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động SXKD trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

Doanh thu thuần	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Chiết khấu thương mại	-	giảm giá hàng bán	-	Hàng bán bị trả lại	-	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (Nếu có)
-----------------	---	--	---	-----------------------	---	-------------------	---	---------------------	---	---

$$\text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \frac{\text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ}}{\text{thuần}} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

**\* Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính.**

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

**\* Kết quả từ thu nhập hoạt động khác.**

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí cho hoạt động khác}$$

**\* Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh****Bên Nợ :**

- Chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến hàng tiêu thụ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN)
- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động khác
- K/C kết quả các hoạt động kinh doanh( lãi)

**Bên Có:**

- Tổng số doanh thu về tiêu thụ trong kỳ
- Tổng số thu nhập thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác
- K/C kết quả hoạt động kinh doanh ( Lỗ)

**\* Nguyên tắc hạch toán TK 911:**

+ TK này phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kì hạch toán theo đúng quy định của cơ chế quản lý tài chính.

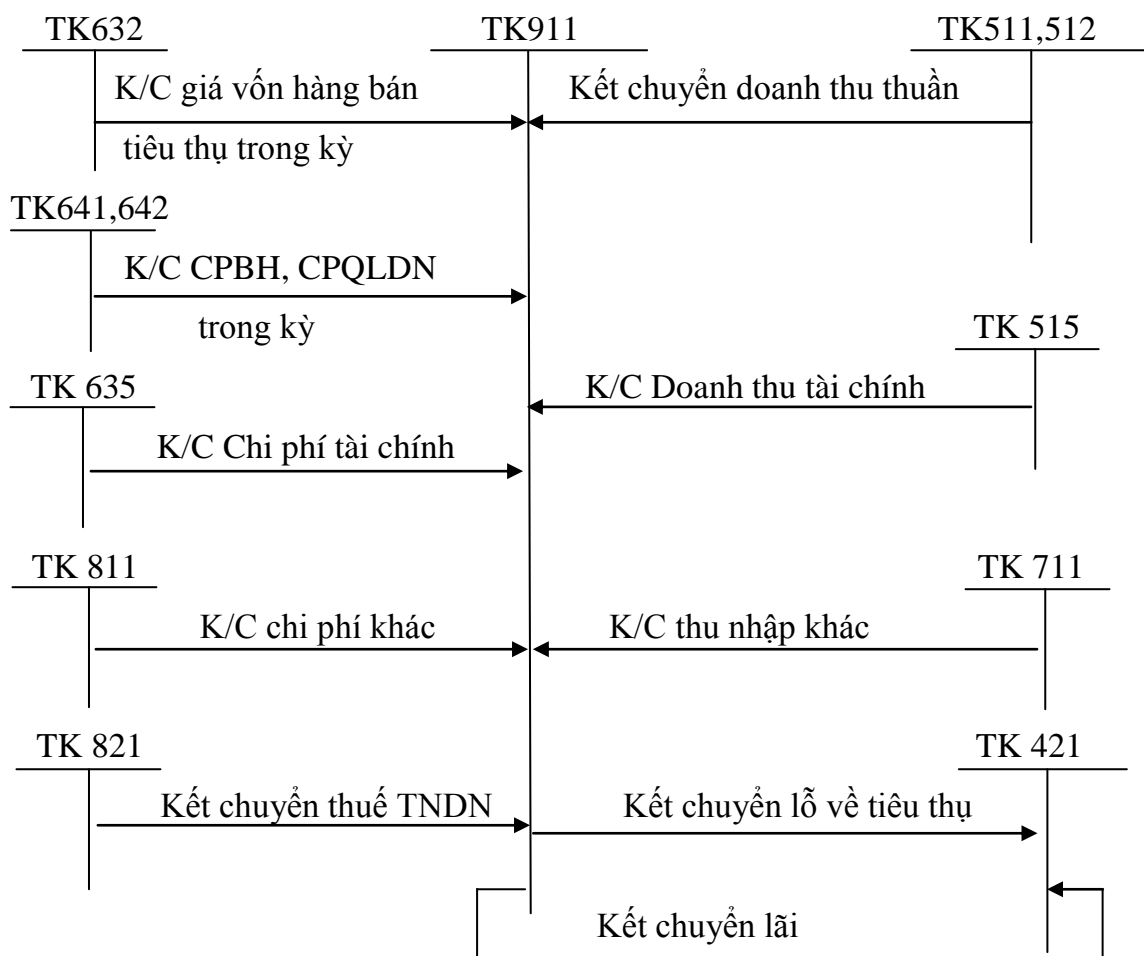
+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

+ Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại, từng khâu, lao vụ, dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.



**Sơ đồ 1.12: Hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh**



**1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Việc sử dụng sổ chi tiết và sổ tổng hợp tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu khách quan, nhanh chóng, giúp phân tích các hoạt động kinh tế, từ đó có sự điều chỉnh hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán như sau:

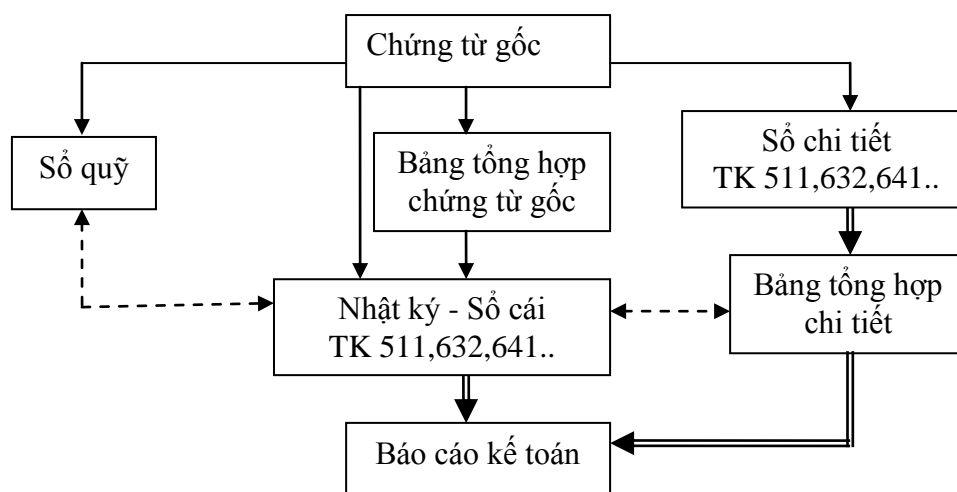
- \* **Ghi chú:**  $\longrightarrow$  : Ghi hàng ngày (định kỳ).
- $\Longrightarrow$  : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).
- $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$  : Đối chiếu, kiểm tra.

**\*Hình thức Nhật ký - sổ cái.**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



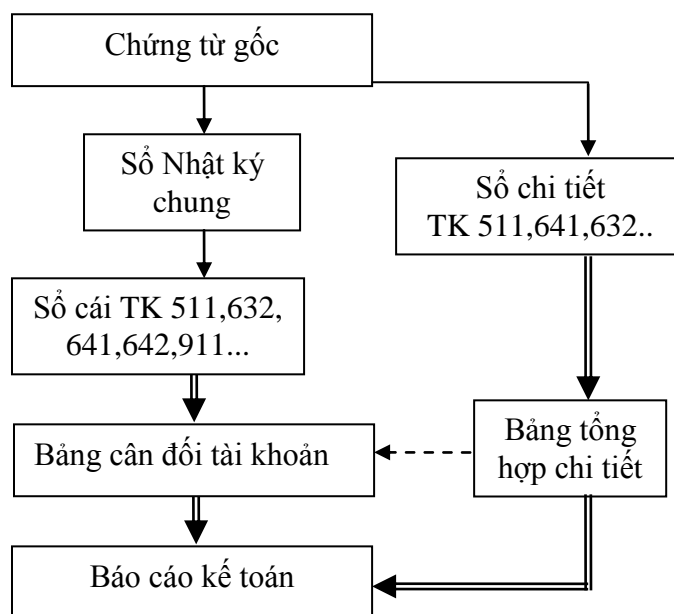
**Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**

**\* Hình thức Nhật ký chung.**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



**Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung**

**\* Hình thức Nhật ký chứng từ.**

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

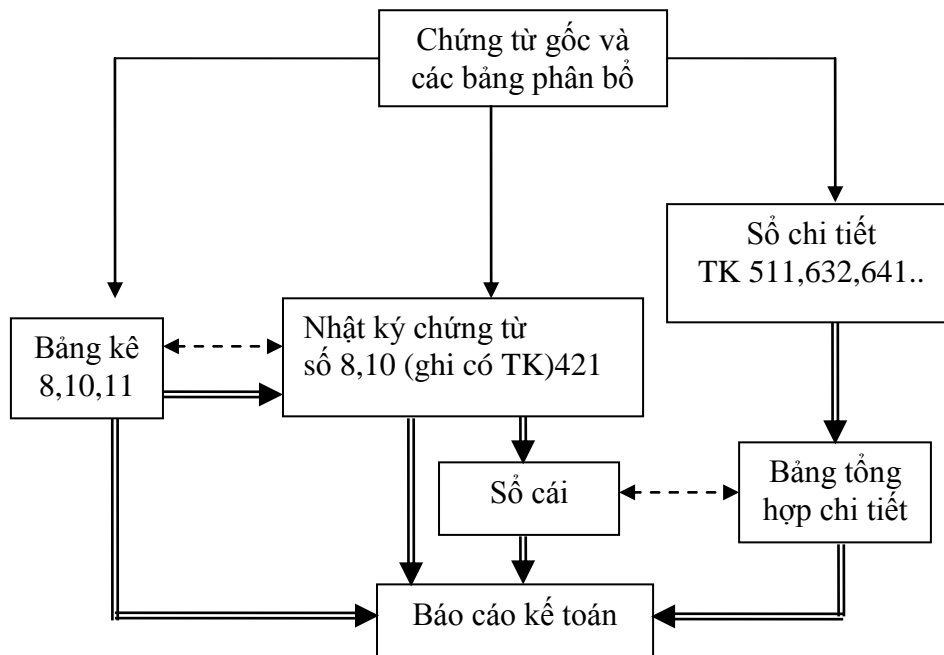
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính

Hình thức kế toán nhật lý – chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ
- + Bảng kê
- + Sổ cái
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



**Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.**

**\* Hình thức Chứng từ ghi sổ.**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”.Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

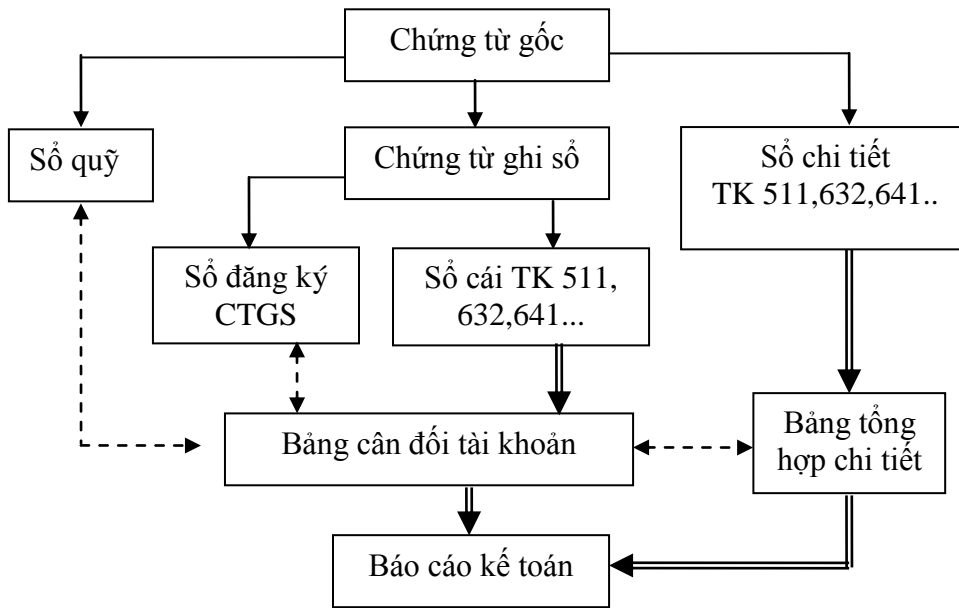
Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số theo từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

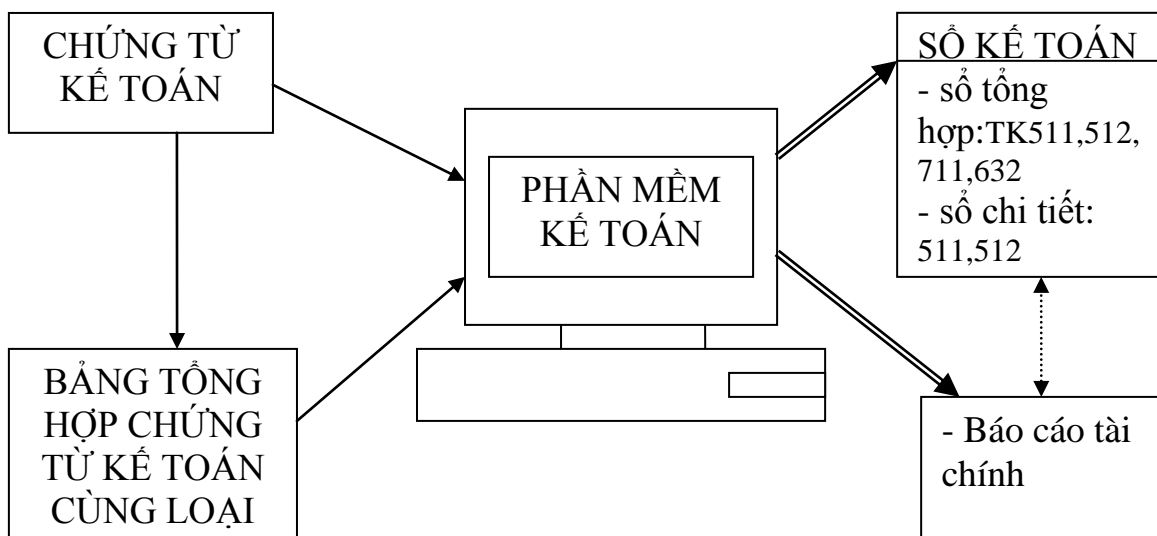
- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



**Sơ đồ 1.16:** Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

**\* Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo các tài chính theo quy định.



**Sơ đồ 1.17:** Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

## CHƯƠNG 2

# **THỰC TRẠNG KẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319**

### **2.1. Khái quát về Xí nghiệp 7**

Tên doanh nghiệp: Xí nghiệp 7 – Công ty xây dựng 319.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty nhà nước.

Trụ sở: 283 Lê Duẩn – Kiến An – Hải Phòng

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.**

Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 – Quân khu 3 là đơn vị làm kinh tế kết hợp với Quốc phòng. Tiền thân là x-ởng công binh X7 Quân khu Tả ngạn đ-ợc tách ra thành lập X-ởng 7 ngày 20 tháng 10 năm 1970. Từ năm 1970 đến năm 1975 đ-ợc giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí mộc và xây dựng phục vụ sản xuất và chiến đấu. Từ năm 1976 đ-ợc điều động về cục kinh tế Quân khu 3 cho đến năm 1988, X-ởng đ-ợc giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí mộc phục vụ sản xuất, đời sống, chính sách cho các đơn vị trong Quân khu và khu vực phía Bắc. Năm 1985 Xí nghiệp chuyển sang hạch toán kinh doanh bằng chính ngành nghề truyền thống của mình cho tới nay thuộc Công ty xây dựng 319 - Quân khu 3 đóng quân trên địa bàn quận Kiến An - Thành phố Hải Phòng. Trong cơ chế thị tr-ờng tự hạch toán và nhận nhiệm vụ đ-ợc giao, xây dựng các công trình đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và an ninh quốc gia, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch, chất l-ợng sản phẩm đ-ợc cấp trên đánh giá cao. Nhiệm vụ trung tâm của Xí nghiệp hiện nay là nhận thầu xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng, đ-ờng giao thông, thủy lợi, Dò tìm xử lý bom mìn và sản xuất cơ khí- mộc. Địa bàn hoạt động của Xí nghiệp rộng khắp trên phạm vi toàn quốc.

Do nhận thức đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong điều kiện cơ chế thị tr-ờng, Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 – Quân khu 3 chuyển h-ớng đầu t- cả chiều rộng và chiều sâu, điển hình là Xí nghiệp đầu t- mua sắm máy móc, thiết bị thi công của các n-ớc trên thế giới nh- Nhật Bản,

Đức, Hàn Quốc, Mỹ ... Đồng thời đổi mới trong công tác tổ chức quản lý sản xuất, tăng cường đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên. Vì thế Xí nghiệp không những đứng vững trong cơ chế thị trường mà ngày càng phát triển, uy tín với khách hàng ngày càng lớn, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển lâu dài cũng như các cơ hội đầu tư làm ăn mới.

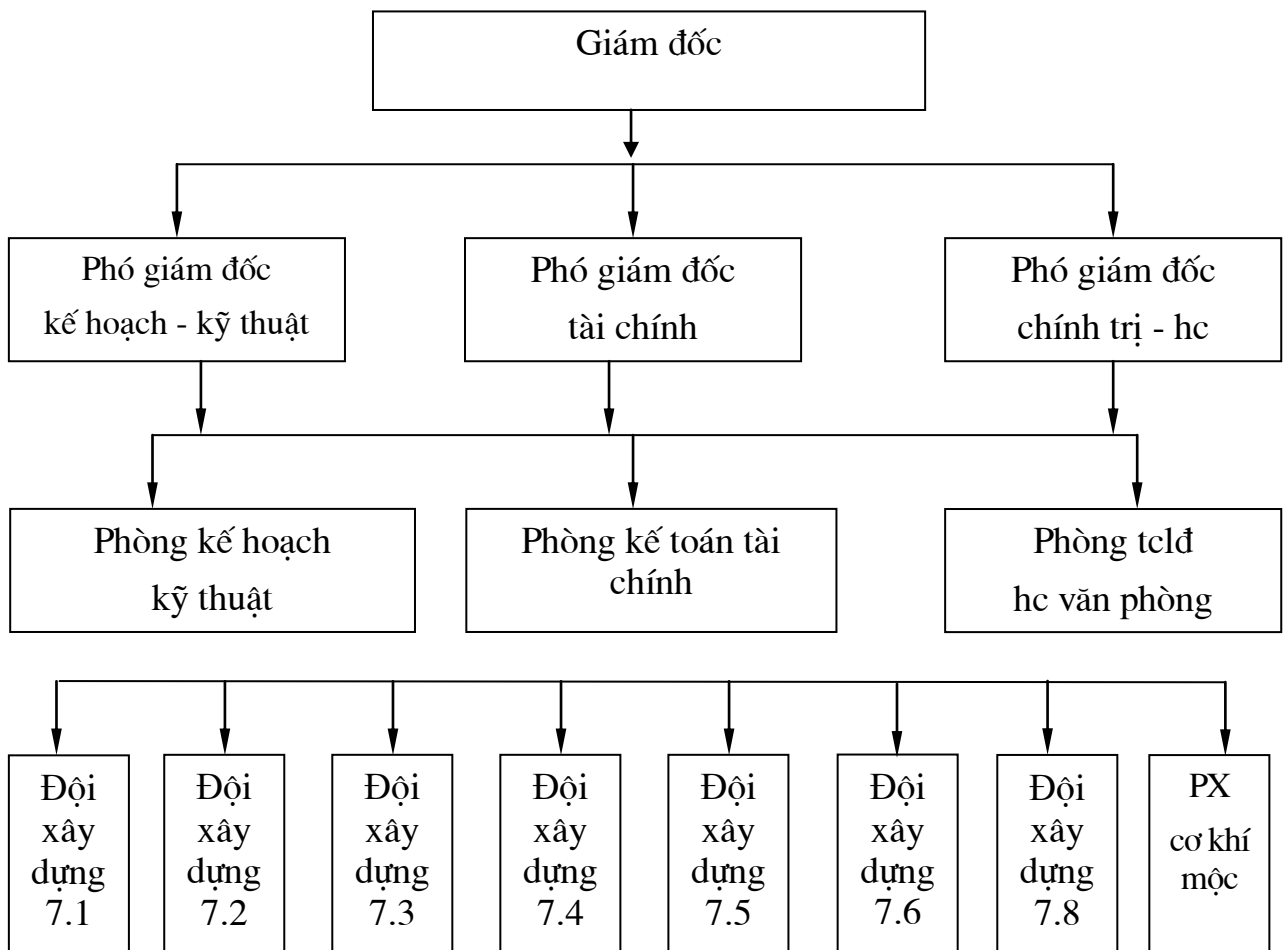
Trước sự đổi mới của xã hội và tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, từ tình hình thực tế đòi hỏi Ban giám đốc Xí nghiệp luôn luôn tranh thủ tiếp cận thị trường. Bên cạnh đó Xí nghiệp luôn quan tâm đến việc đổi mới một cách toàn diện, nhất là công nghệ, tăng cường củng cố công tác cán bộ nhằm nâng cao nhận thức và khả năng nắm bắt khoa học công nghệ mới, phương thức quản lý kinh tế mới ngày một tốt hơn. Quan tâm đến việc đầu tư năng lực thiết bị đồng bộ đủ khả năng xây dựng các công trình có quy mô lớn và kết cấu phức tạp.

Hàng năm xí nghiệp đã giao nộp ngân sách đầy đủ, với năm sau cao hơn năm trước. Đặc biệt là từ năm 1999 khi có luật thuế giá trị gia tăng được thực hiện, xí nghiệp đã nộp ngân sách Nhà nước cao hơn năm trước 1,5 lần. Do quá trình hoạt động ngày càng phát triển của mình, chắc chắn mức giao nộp ngân sách nhà nước của xí nghiệp trong những năm sau sẽ cao hơn.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, đội ngũ cán bộ công nhân viên Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 - Bộ quốc phòng đã vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước vào thực tế của xí nghiệp, mạnh dạn chủ động phát huy nội lực, hợp tác liên doanh liên kết thu hút vốn để đầu tư máy móc thiết bị thi công hiện đại nhằm thi công được nhiều công trình có chất lượng cao mà thị trường đòi hỏi. Mỗi cán bộ công nhân viên ngành xây dựng xí nghiệp đều nhận thức rằng: Chất lượng sản phẩm ngành xây dựng không những giữ vai trò quan trọng, quyết định sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp mà nó còn là thước đo trách nhiệm, lòng tâm và sự trung thành của người thợ xây dựng. Mỗi thành tích đã đạt được, mỗi bước trưởng thành đi lên của xí nghiệp hôm nay đều gắn liền với sự đoàn kết nhất trí từ tập thể lãnh đạo đến đội ngũ công nhân cùng nhau tháo gỡ khó khăn, xác định hướng đi cách làm ăn mới. Điều đó đã trở thành nét đẹp truyền thống của Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 – Quân khu 3.

**2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp 7**

Bộ máy quản lý của xí nghiệp đ- ợc tổ chức theo một cấp (tập trung). Ban giám đốc xí nghiệp lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp từng đội, phân x- ởng sản xuất.



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp**

- *Giám đốc*: Là đại diện pháp nhân của Xí nghiệp, chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật và các cơ quan quản lý cấp trên trong các hoạt động của Xí nghiệp. Giám đốc là ng- ời có quyền điều hành sản xuất kinh doanh cao nhất trong Xí nghiệp.

Giám đốc có quyền trình lên ng- ời quyết định thành lập Xí nghiệp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen th- ởng hoặc kỷ luật đối với các chức danh khác và các CBCNVC trong Xí nghiệp, giám đốc có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hay kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Giám đốc chịu trách nhiệm tr- ớc cơ quan quản lý cấp trên và nhà n- ớc về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp, trực tiếp chỉ đạo phòng kế toán tài chính, phòng kế hoạch kỹ thuật, và công tác nhân sự của Xí nghiệp.



Trợ giúp giám đốc xí nghiệp là 3 phó giám đốc: Phó giám đốc chính trị hậu cần, phó giám đốc kế hoạch kỹ thuật, phó giám đốc tài chính cùng các phòng ban.

*\* Phó giám đốc kế hoạch kỹ thuật:*

Giúp giám đốc điều hành Xí nghiệp theo sự phân công và uỷ quyền của giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ này.

Phó giám đốc kế hoạch kỹ thuật: Chịu trách nhiệm tr-ớc giám đốc về việc lập kế hoạch sản xuất và về kỹ thuật công nghệ, về chất l-ợng xây dựng công trình chỉ đạo sản xuất, thực hiện kế hoạch sản xuất của Xí nghiệp hàng tháng, quý, năm theo đúng tiến độ đề ra.

- Cải tiến và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật , công nghệ mới vào sản xuất.

*\* Phó giám đốc phụ trách tài chính:* Phụ trách về kế hoạch tài chính, tham m-u về vấn đề tài chính của Xí nghiệp, đồng thời trợ giúp việc lập kế hoạch vốn, tạo nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

*\* Phó giám đốc chính trị hậu cần:* Phụ trách vấn đề chính trị và hành chính của đơn vị nh- : tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn, tổ chức biên chế nhân sự, tổ chức hành chính, tổ chức đời sống vật chất tinh thần và các tổ chức khác của Xí nghiệp.

### **Các phòng ban chức năng:**

*\* Phòng kế hoạch kỹ thuật:*

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và tham m-u cho Giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch.

- Xây dựng chiến l-ợc sản xuất kinh doanh và theo dõi lập dự toán để tính toán giá thành sản phẩm của Xí nghiệp.

- Nắm chắc năng lực của Xí nghiệp về máy móc thiết bị, nhà x- ởng để đề ra kế hoạch phù hợp với khả năng của Xí nghiệp.

- Điều phối công việc, tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các đơn vị sản xuất nhằm thực hiện đúng tiến độ sản xuất kinh doanh nh- kế hoạch đề ra.

- Bổ sung và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh khi có biến động để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của thị tr-ờng.

- Xây dựng định mức vật t- , nguyên vật liệu và định mức lao động sản phẩm, th-ờng xuyên kiểm soát, xem xét, theo dõi việc thực hiện định mức vật t- ,

nguyên vật liệu, định mức lao động nhằm phát huy những mặt mạnh và khắc phục những điểm yếu cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất.

- Lập hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng quyết toán các công trình.

- Hợp tác khoa học kỹ thuật đối với các doanh nghiệp khác tiến tới thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong lĩnh vực công nghệ sản xuất để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ công nghệ so với các đơn vị khác trong ngành.

\* *Phòng tài chính kế toán :*

- Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn trình lên giám đốc Xí nghiệp, đồng thời có trách nhiệm thực hiện cũng như quản lý nghiệp vụ các chi tiêu tài chính.

- Thanh quyết toán công trình hoàn thành, tạm ứng tiền lương cho CBCNV.

- Thực hiện các công tác chuyên môn nghiệp vụ như công tác hoạch toán, công tác thống kê, quyết toán, thu thập số liệu, hiệu chỉnh và lập các báo cáo tài chính kịp thời đúng chế độ của Nhà nước quy định.

- Lập kế hoạch chi tiêu và dự phòng để phục vụ kịp thời, chủ động cho nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh.

Tiến hành các công việc hạch toán kinh tế các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng hợp số liệu xử lý, phân tích các hoạt động kinh tế theo kỳ báo cáo.

- Mở sổ sách theo dõi toàn bộ tài sản của Xí nghiệp, định kỳ kiểm kê đánh giá tài sản cố định, quản lý chặt chẽ tài sản cố định của Xí nghiệp, tính toán khấu hao thu hồi để tái sản xuất mở rộng.

- Thường xuyên theo dõi nguồn vật tư hàng hóa, hàng tồn kho nguồn vốn lưu động để đề xuất với giám đốc Xí nghiệp những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Giám sát kiểm tra các hợp đồng kinh tế mua bán vật tư hàng hoá, mua sắm thiết bị tài sản, thanh quyết toán và thanh lý các hợp đồng trên khi đã thực hiện xong hợp đồng.

- Phối kết hợp với các phòng ban liên quan để xác định chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, các chi phí các hoạt động sản xuất kinh doanh để làm cơ sở hoạch toán.

\* *Phòng tổ chức lao động - hành chính văn phòng:*

- Điều sự điều hành của Giám đốc tiếp nhận, tuyển dụng lao động, tổ chức

xét duyệt nâng l- ơng cho cán bộ, công nhân, tổ chức thi nâng bậc cho công nhân viên chức.

- Là nơi giải quyết các chế độ chính sách và phúc lợi có liên quan đến lợi ích của ng- ời lao động và CBCNV toàn Xí nghiệp.

- Tham m- u với giám đốc đề bạt cán bộ.

- Xây dựng kế hoạch tiên l- ơng, tiên th- ờng, trả l- ơng, bảo hộ lao động cho CBCNV.

- Đề nghị những kế hoạch hoạt động đ- a ra mô hình tổ chức thích hợp.

- Làm nhiệm vụ quản lý hành chính, văn th- , công văn giấy tờ, con dấu và các thủ tục hành chính.

- Mua sắm trang thiết bị văn phòng.

- Chuẩn bị những hội thảo khoa học với các bên đơn vị có liên quan.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh, chính trị nội bộ và an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

*\* Các đội xây dựng và phân x- ưởng sản xuất:*

Các đội xây dựng và phân x- ưởng sản xuất trực thuộc xí nghiệp, d- ối sự chỉ huy và điều hành của Ban giám đốc và các phòng ban xí nghiệp. Là những đơn vị thu nhỏ có ng- ời chỉ huy và điều hành sản xuất trực tiếp là *Đội tr- ưởng* và có các nhân viên trợ giúp nh- : Kế toán, thủ quỹ, kỹ thuật, vật t- và các tổ sản xuất.

### **2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Xí nghiệp 7.**

#### **2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp 7.**

Xí nghiệp 7 là một doanh nghiệp có qui mô lớn ở cấp Xí nghiệp, địa bàn hoạt động trải rộng trong cả n- ớc. Để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất, Xí nghiệp đã vận dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Công tác tổ chức bộ máy kế toán khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hiệu quả của công tác kế toán. Bộ máy kế toán của Xí nghiệp 7 đ- ợc tổ chức thành phòng tài chính và nhân viên kế toán tại các đội. Toàn Xí nghiệp có 7 đội trực thuộc thực hiện hạch toán phụ thuộc. Xí nghiệp đã quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán nh- sau:

- **Kế toán tr- ưởng:** Là ng- ời có chức năng tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ

công tác kế toán tài chính, thông tin kinh tế trong toàn đơn vị. Đồng thời hướng dẫn, thể chế và cụ thể hoá kịp thời các chính sách, chế độ, thể lệ tài chính kế toán của Nhà nước, của Bộ Quốc phòng, của Bộ xây dựng và của Công ty. Hướng dẫn, kiểm tra việc chỉ đạo hạch toán, lập kế hoạch tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp và quản lý cấp trên về công tác tài chính kế toán tại Xí nghiệp.

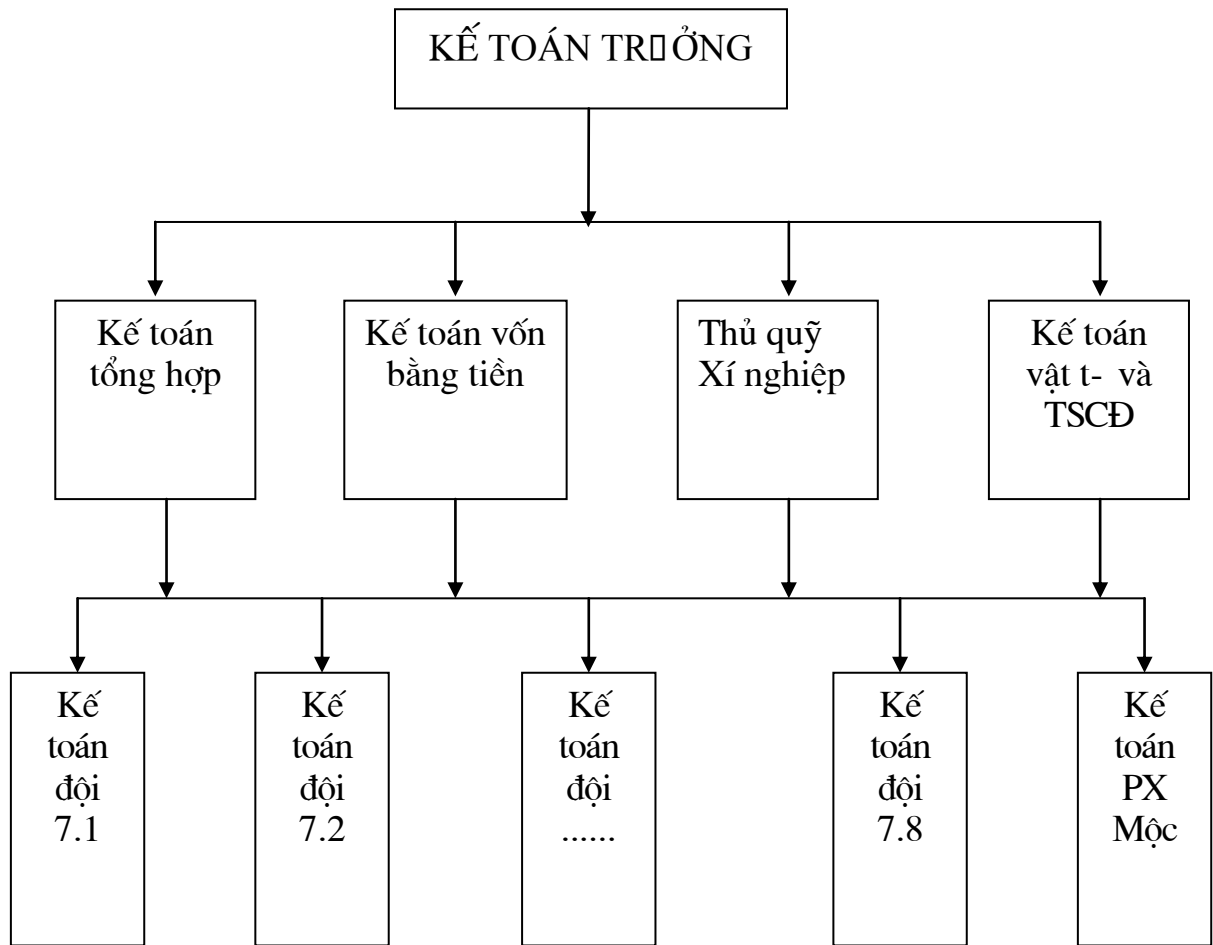
- **Kế toán tổng hợp:** Ghi sổ tổng hợp, lập các báo cáo chi tiết và tổng hợp báo cáo các đội gửi lên thành báo cáo Xí nghiệp. Ngoài ra kế toán tổng hợp còn là người kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ cũng như việc ghi chép sổ sách kế toán mà các đội gửi lên.

- **Kế toán vốn bằng tiền:** Thanh toán tiền lương và các khoản thanh toán với ngân hàng, thực hiện kế toán vốn bằng tiền tất cả các khoản thanh toán trong nội bộ, với ngân sách Nhà nước, với nhà cung cấp, với khách hàng và theo dõi tình hình thu hồi vốn các công trình.

- **Kế toán vật tư và tài sản cố định:** Theo dõi tình hình biến động tài sản cố định trong toàn Xí nghiệp, ghi sổ khấu hao tài sản và theo dõi tình hình nhập xuất vật tư và tài sản cung ứng cho các đội.

- **Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt của Xí nghiệp, căn cứ vào các chứng từ được duyệt hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để tiến hành thu chi tiền mặt, ngân phiếu phục vụ sản xuất và ghi sổ quỹ hàng ngày. Hàng tháng đối chiếu với kế toán vốn bằng tiền về tồn quỹ và các lệnh thu chi báo cáo với kế toán trưởng đồng thời giúp kế toán vốn bằng tiền về khâu thanh toán nội bộ Xí nghiệp và chế độ chi tiêu.

- **Kế toán tại các đội trực thuộc xí nghiệp:** Là người thường xuyên theo dõi và bám sát các công trình xây dựng, định kỳ hàng tuần tập hợp toàn bộ các chứng từ kế toán tiến hành ghi sổ. Ngoài ra công việc thường xuyên của kế toán đội là thực hiện việc thanh quyết toán với các nhân viên của đội, với nhà cung cấp và các chủ đầu tư. Định kỳ gửi chứng từ lên Ban tài chính Xí nghiệp. Có thể khái quát tổ chức bộ máy kế toán thành sơ đồ như sau:

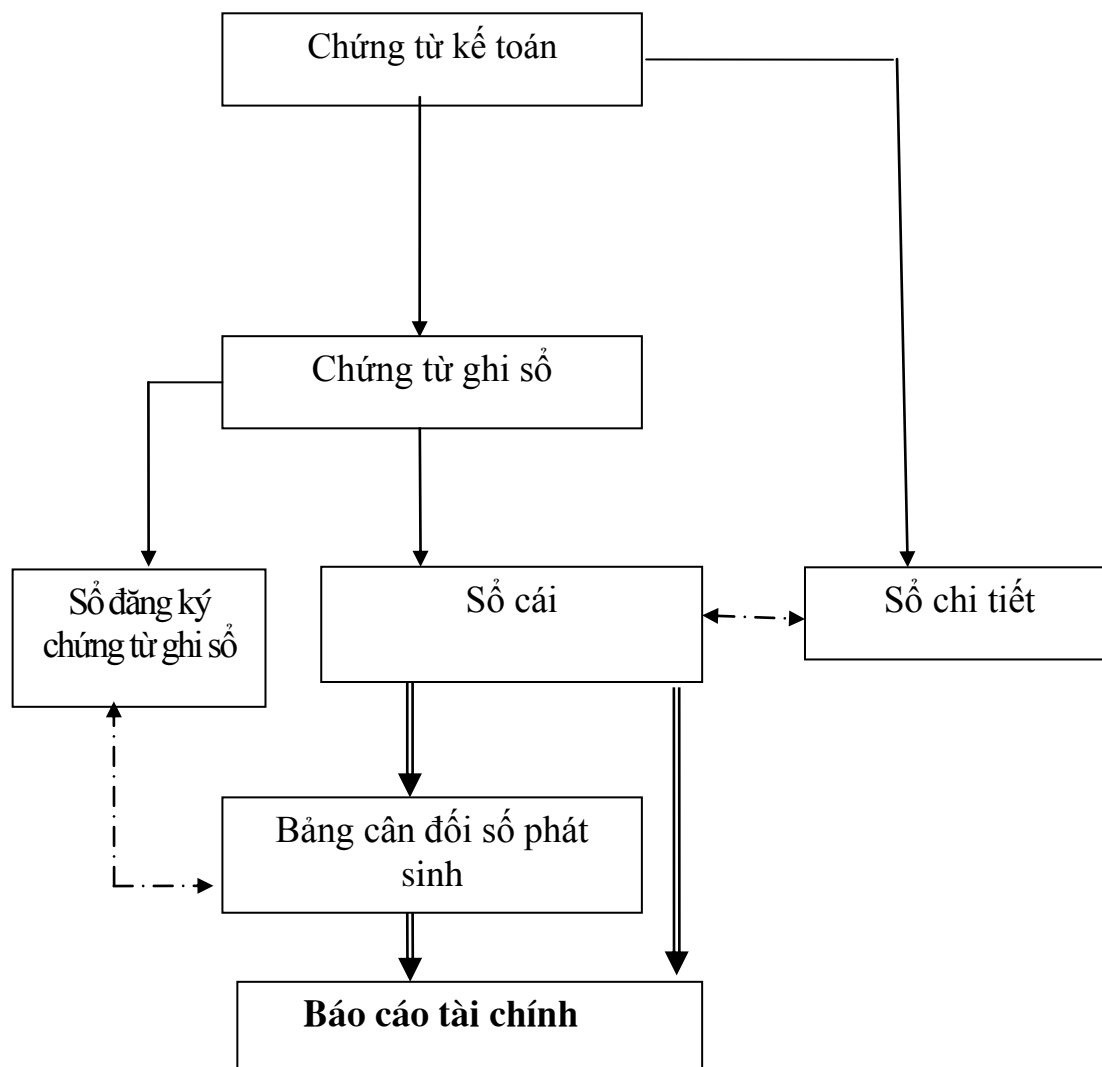


Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp 7

**2.1.3.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Xí nghiệp 7.**

Xí nghiệp đã vận dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Trình tự ghi sổ kế toán đ- ợc biểu diễn theo sơ đồ sau:



- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra số liệu.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.**

Theo hình thức Chứng từ ghi sổ, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...), kế toán lập chứng từ ghi sổ và từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ cái và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, và từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ

các chứng từ kế toán, kế toán đơn vị vào sổ chi tiết. Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ được đối chiếu với Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào sổ cái, bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính.

- Xí nghiệp đang tổ chức công tác kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp QĐ 15/2006 của Bộ tài chính.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Xí nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Xí nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Giá đích danh.

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7**

### **2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.**

- Doanh thu bán hàng của Xí nghiệp chủ yếu là từ các công trình và các hạng mục công trình. Dựa vào các hợp đồng kinh tế hoặc các biên bản giao thầu xây dựng, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì kế toán đơn vị ghi nhận vào tài khoản doanh thu bán hàng. Doanh thu các công trình được Xí nghiệp tập hợp theo quý.

- Các phương thức tiêu thụ: Sản phẩm của Xí nghiệp là các công trình xây dựng, các hạng mục công trình nên phương thức tiêu là phương thức trực tiếp.

- Hình thức thanh toán: Khách hàng có thể thanh toán trước một phần giá trị công trình hoặc toàn bộ giá trị của công trình theo giá trị hợp đồng. Hình thức thanh toán của Xí nghiệp chủ yếu là bằng tiền mặt và bằng tiền gửi ngân hàng.

#### **2.2.1.2. Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán.**

Phương pháp tính giá vốn các công trình:

Từ các đội sản xuất tổng hợp các chi phí phát sinh liên quan đến công trình vào

các tài khoản chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Từ các số liệu của các đội sản xuất đưa lên ban tài chính tổng hợp lại thành giá thành toàn bộ của từng công trình, trên cơ sở đó làm căn cứ để xác định giá vốn.

Kế toán sử dụng TK 154 để tập hợp chi phí sản xuất, rồi sau đó kết chuyển thẳng sang TK 632.

### **2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp 7.**

*\* Các chứng từ mà Xí nghiệp sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL), Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

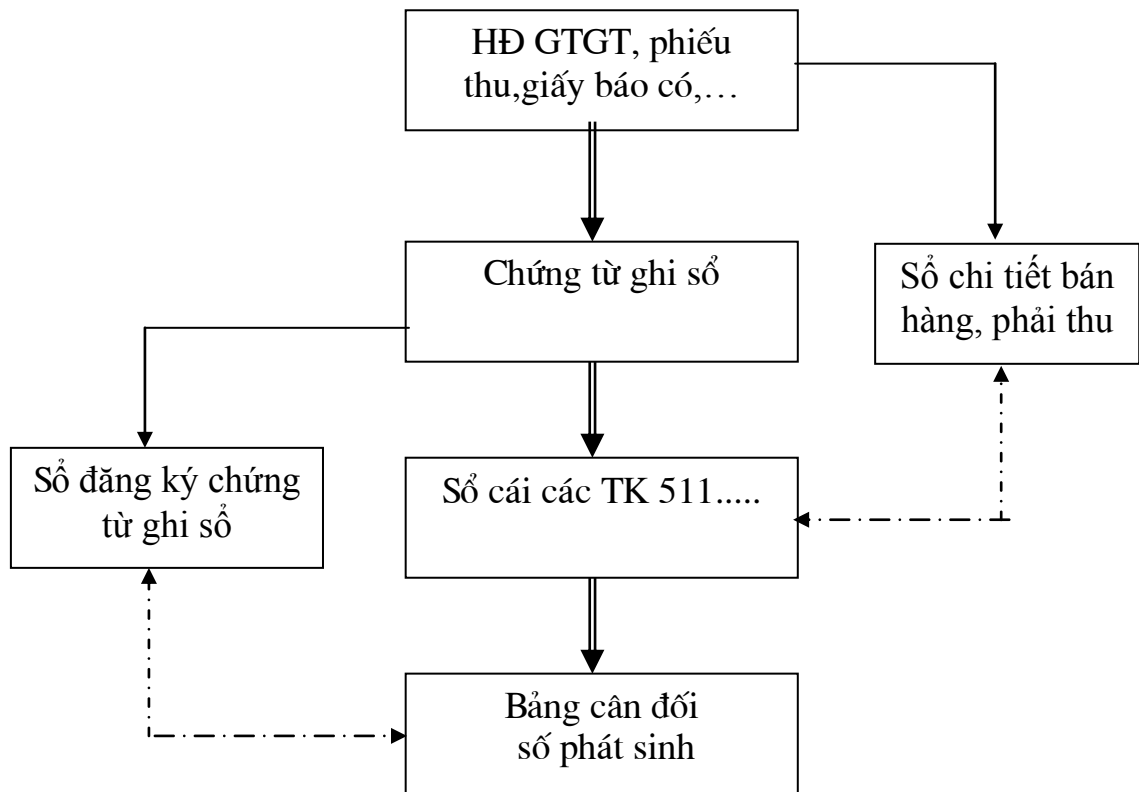
- + Liên 1 (màu tím): lưu.
- + Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng.
- + Liên 3 (màu xanh): luân chuyển nội bộ.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu thu.

*\* Tài khoản Xí nghiệp sử dụng:*

- + TK 511: Doanh thu bán hàng
- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + TK 131: Phải thu của khách hàng
- + TK 111: Tiền mặt
- + TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- + TK 3331: Thuế GTGT đầu ra



\* Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu tại Xí nghiệp 7.**

Ví dụ 1: Ngày 31/12 bàn giao công trình Bến Tàu Tân Lập - Quan Lạn - Vân Đồn – QN Kế toán Xí nghiệp lập hóa đơn GTGT số 00255750 ghi nhận doanh thu công trình 1.613.763.636đ và tiền thuế GTGT đầu ra là 161.376.364.

**HOÁ ĐƠN**

**NK/2009B**

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

00255750

Liên 3: Luân chuyển nội bộ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp 7 – Cty xây dựng 319- Quận khu 3.

Địa chỉ: 238 Lê Duẩn – Kiến An – Hải Phòng

Số tài khoản: 2511100037008

Điện thoại: .....

MS: 2511100037008

Họ tên ng- ời mua hàng: Nguyễn Quốc Tuấn

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Hoàng Phúc

Địa chỉ: Tân Lập - Quan Lạn - Vân Đồn – Quảng Ninh

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

MS:

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Công trình Bến Tàu Tân Lập - Quan Lạn - Vân Đồn - QN.	Công trình	1	1.613.763.636	1.613.763.636
Cộng tiền hàng:					1.613.763.636
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT: 161.376.364
Tổng cộng tiền thanh toán					1.775.140.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng.!</i>					

Ng- ời mua hàng  
(Ký, họ và tên)

Ng- ời bán hàng  
(Ký, họ và tên)

Thủ tr- ởng đơn vị  
(Ký, họ và tên)

Công ty Xây Dựng 319

Mẫu số SO2a-DN

XÍ NGHIỆP 7

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

Tập số 05

Số: 379/CT

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....			.....	
<b>Doanh thu công trình Bến Tàu Tân Lập - Quan Lạn - Vân Đồn - QN.</b>	<b>112</b>	<b>511</b>	<b>1.613.763.636</b>	
Doanh thu công trình Doanh trại Đồn BP 23 - Hoàn Mô - Bình Liêu - QN	131	511	11.231.818	
Doanh thu công trình Trạm SC tàu thuyền GT2 - GĐ2 - Hồng Bàng - HP	131	511	507.000.000	
Doanh thu công trình Trạm SC tàu thuyền gói thầu 3 - Hồng Bàng - HP	131	511	166,550.000	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>31.810.909.378</b>	

Ng- ời lập biên  
(kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng  
(kí, họ tên)

**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số SO2b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
**NĂM 2009**

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
<b>379</b>	<b>31/12</b>	<b>Doanh thu các công trình tháng 12 năm 2009</b>	<b>31.810.909.378</b>
380	31/12	Doanh thu SX cửa phân x- ởng mộc	996.491.700
.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng	<b>1.128.432.973.806</b>

*Người ghi sổ*

*Kế toán tr-ởng*

*Giám đốc*

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2009

Số TT nghiep vu	Chung tu ghi so		Diễn giải	Tk ....	Tk 511		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
47	378	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần sang XĐKQ		<b>31.810.909.378</b>		
48	379	31/12	Doanh thu các công trình tháng 12 năm 2009			<b>31.810.909.378</b>	
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>31.810.909.378</b>	<b>31.810.909.378</b>	
			<b>Số d- tháng 11 chuyển sang</b>				
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>89.245.569.257</b>	<b>89.245.569.257</b>	
			<b>Số d- cuối tháng 12 năm 2009</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Công ty Xây Dựng 319

XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TK 511**

**Doanh thu bán hàng**

Tháng 12 năm 2009

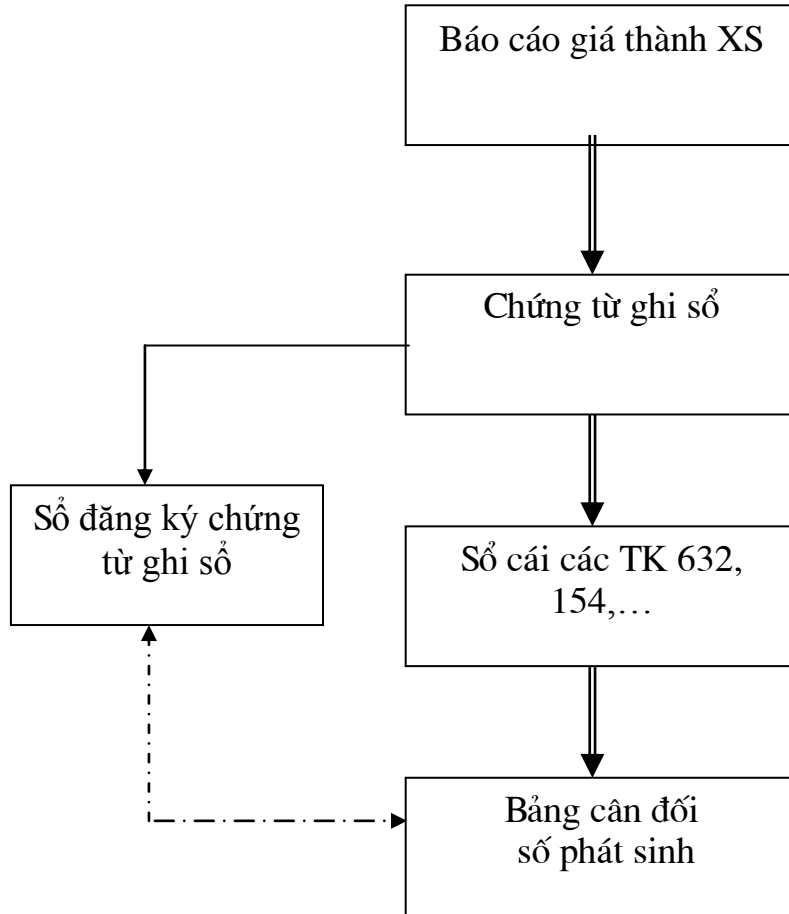
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
	...	.....	.....	.....	.....	.....		
		31/12	DT Công trình bến tàu Tân Lập	112		1.613.763.636		
		31/12	DT Công trình Doanh trại đồn BP 23	131		11.231.818		
		31/12	DT Công trình Trạm sửa chữa tàu thuyền GT2 – Hồng Bàng	131		507.000.000		
			.....		.....	.....		
		31/12	K/c doanh thu thuần	911	31.810.909.378			
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>31.810.909.378</b>	<b>31.810.909.378</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

\* Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán.



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp 7.**

Tiếp theo ví dụ 1 kê toán ghi nhận giá vốn của công trình bến tàu Tân Lập

**Công ty Xây Dựng 319**

Mẫu số SO2a-DN

**XÍ NGHIỆP 7**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC*

Tập số 05

Số: 350/CT

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....			.....	
<b>Giá thành toàn bộ của công trình bến tàu Tân Lập</b>	<b>632</b>	<b>154</b>	<b>1.484.623.228</b>	
Giá thành toàn bộ của công trình Trạm SC tàu thuyền GT2-GDD2 Hồng Bàng	632	154	409.864.358	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>29.284.293.513</b>	

Ng- ời lập biên  
(kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng  
(kí, họ tên)



**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số SO2b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
**NĂM 2009**

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
<b>350</b>	<b>31/12</b>	<b>Giá thành các công trình</b>	<b>29.284.293.513</b>
.....	.....	.....	.....
356	31/12	NH chuyển trả tiền ký quỹ bảo lãnh về tài khoản	26.818.890
.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng	<b>1.128.432.973.806</b>

*Người ghi sổ*

*Kế toán tr-ởng*

*Giám đốc*

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2009

Số TT nghiep vu	Chung tu ghi so		Diễn giải	Tk ....	Tk 632		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
45	350	31/12	Kết chuyển chi phí SX sang giá vốn hàng bán quý 4/2009		29.284.293.513		
46	377	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang XĐKQ			29.284.293.513	
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>29.284.293.513</b>	<b>29.284.293.513</b>	
			<b>Số d- tháng 11 chuyển sang</b>				
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>82.765.570.394</b>	<b>82.765.570.394</b>	
			<b>Số d- cuối tháng 12 năm 2009</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

**2.2.1.4. Kế toán chi phí bán hàng.**

Tại Xí nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí bán hàng.

**2.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

\* Nội dung: Chi phí quản lý doanh nghiệp của Xí nghiệp bao gồm chi phí lương các khoản trích theo lương, chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác...

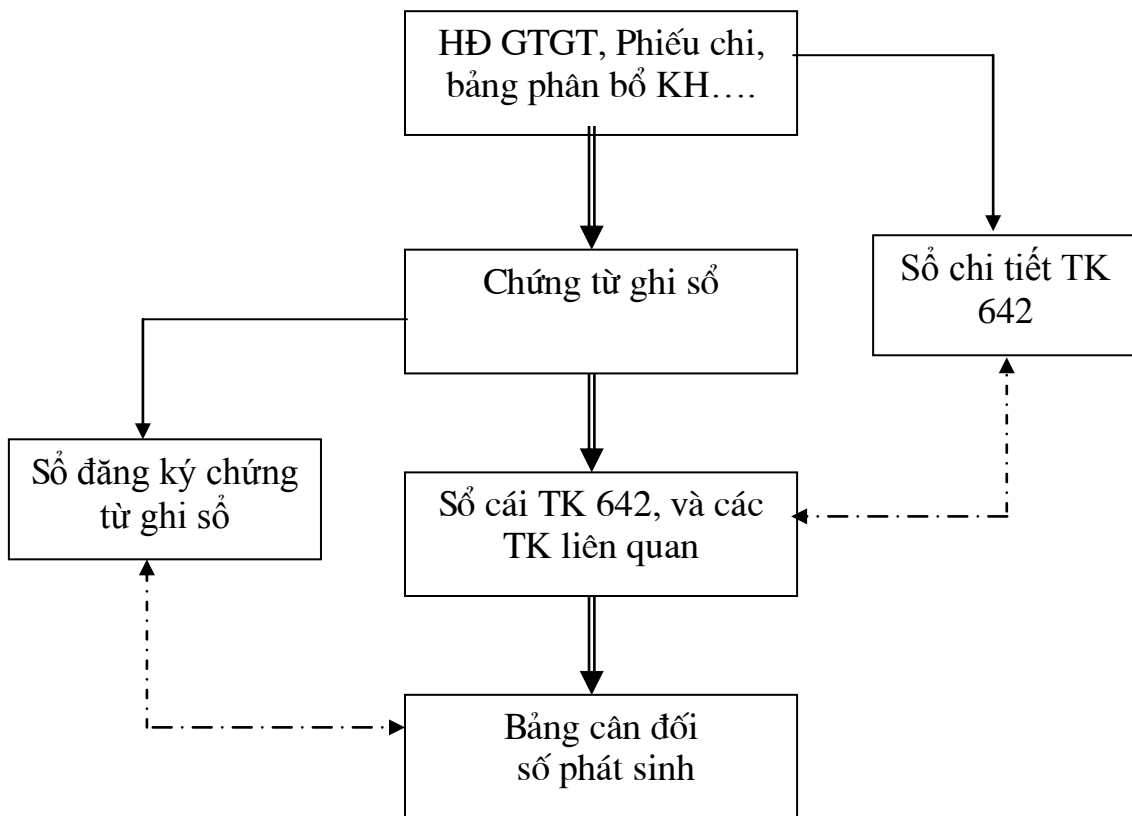
\* Các chứng từ mà Xí nghiệp 7.sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy uỷ nhiệm chi (nếu doanh nghiệp thanh toán bằng TGNH)
- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao.....

\* Tài khoản sử dụng.

TK 642 – Chi phí QLDN

\* Quy trình hạch toán chi quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Chi phí QLDN tại Xí nghiệp 7.

Ví dụ: Ngày 2/12/2009 có phát sinh nghiệp vụ chi tiền tiếp khách, kế toán lập phiếu chi.

**Công ty Xây Dựng 319**

**Xí nghiệp 7**

====\*\*\*=====

**Mẫu số 02-TT**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ tr-ởng BTC*

**Phiếu chi**

**Số : 1110**

**Ngày 02 tháng 12 năm 2009**

Nợ : 642

Có 111.

Họ và tên ng-ời nhận tiền : **Đông chí Nguyễn Quốc Dũng**

Địa chỉ : **Ban hành chính**

Lý do chi : **Thanh toán tiền tiếp khách**

Số tiền : **1.500.000 đồng**

Bằng chữ : (*Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn ./.*)

Kèm theo ..... Chứng từ gốc

.....

Ng-ời nhận tiền      Thủ quỹ      kế toán      kế toán tr-ởng      giám đốc XN

Công ty Xây Dựng 319

Mẫu số SO2a-DN

XÍ NGHIỆP 7

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

Tập số 05

Số: 337/CT

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....			.....	
<b>Dũng Thanh toán chi tiếp khách</b>	<b>642</b>	<b>111</b>	<b>1.500.000</b>	
Phân bổ tiền lương T12 bộ phận QLXN	642	334	187.794.145	
Trích KH TSCĐ quý 4/2009	642	214	57.026.600	
Phân bổ chi phí sửa chữa XN	642	241	33.811.500	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>798.095.194</b>	

Ng- ời lập biên  
(kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng  
(kí, họ tên)

**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số SO2b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
**NĂM 2009**

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
<b>337</b>	<b>31/12</b>	<b>Tập hợp chi phí quản lý XN</b>	<b>798.095.194</b>
.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng	<b>1.128.432.973.806</b>

*Người ghi sổ*

*Kế toán tr-ởng*

*Giám đốc*

Công ty Xây Dựng 319

XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2c1-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2009

Số TT nghiệp vụ	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Tk ....	Tk 642		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
6	337	31/12	Tập hợp chi phí quản lý XN		798.095.194		
57	388	31/12	KC chi phí QLXN sang TK xác định kết quả SXKD			798.095.194	
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>798.095.194</b>	<b>798.095.194</b>	
			Số d- tháng 11 chuyển sang				
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>5.003.761.190</b>	<b>5.003.761.190</b>	
			Số d- cuối tháng 12 năm 2009				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

### 2.2.2.1 Kế toán doanh thu tài chính

Tại Xí nghiệp 7 doanh thu tài chính là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay.

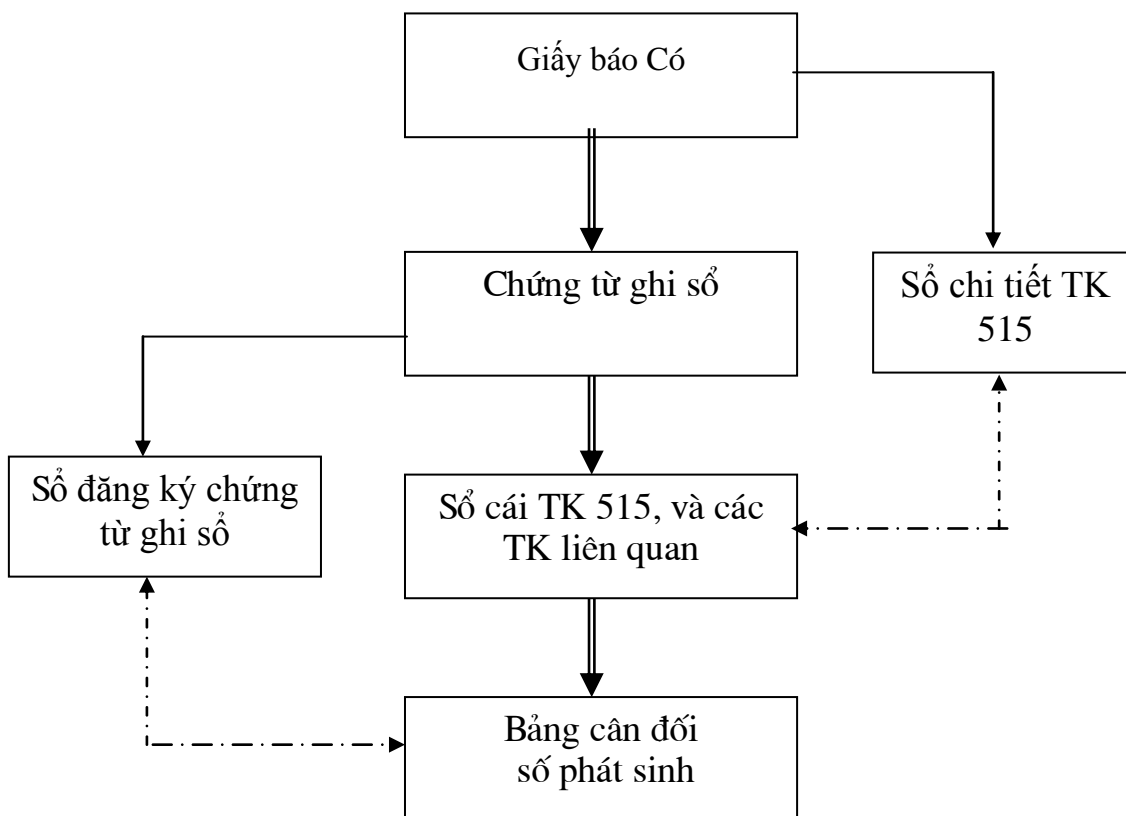
\* Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Phiếu kế toán.

\* Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- Các TK liên quan khác.

\* Quy trình hạch toán doanh thu tài chính



**Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán Doanh thu tài chính tại Xí nghiệp 7.**

\* Ví dụ: Ngày 31/12/2009 Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội chuyển giấy báo có về số lãi tiền gửi cho Xí nghiệp.



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN  
ĐỘI – HẢI PHÒNG**

**Mã GDV: MB  
Mã KH: 104366**

**GIẤY BÁO CÓ**

Số: 276145

Ngày 31/12/2009

**Kính gửi:** Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 2511100037008

Số tiền bằng số: 2.859.353VNĐ

Số tiền bằng chữ: Hai triệu tám trăm năm chín nghìn ba trăm năm ba đồng.

Nội dung: Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**Công ty Xây Dựng 319**

Mẫu số SO2a-DN

**XÍ NGHIỆP 7**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC*

Tập số 05

Số: 368/CT

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội trả lãi tiền gửi</b>	<b>112</b>	<b>515</b>	<b>2.859.353</b>	
Ngân hàng Ngoại th- ơng trả lãi tiền gửi	112	515	22.489	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>9.386.785</b>	

Ng- ời lập biên

Kế toán tr- ờng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số SO2b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
**NĂM 2009**

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
<b>368</b>	<b>31/12</b>	<b>Tập hợp các khoản DTTC</b>	<b>9.386.785</b>
.....	.....	.....	.....
		Tổng cộng	<b>1.128.432.973.806</b>

*Người ghi sổ*

*Kế toán tr-ởng*

*Giám đốc*

**Công ty Xây Dựng 319**

**XÍ NGHIỆP 7**

*Mẫu số SO2c1-DN*

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC*

**SỔ CÁI**

*Tháng 12 năm 2009*

Số TT nghiep vu	Chung tu ghi so		Diễn giải	Tk ....	Tk 515		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
12	368	31/12	<b>Tập hợp các khoản DTTC</b>			<b>9.386.785</b>	
52	383	31/12	Kết chuyển thu nhập HĐTC sang XĐKQ - KD		<b>9.386.785</b>		
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>9.386.785</b>	<b>9.386.785</b>	
			Số d- tháng 11 chuyển sang				
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>76.892.375</b>	<b>76.892.375</b>	
			<b>Số d- cuối tháng 12 năm 2009</b>				

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Công ty Xây Dựng 319

XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TK 515**

**Doanh thu tài chính**

Tháng 12 năm 2009

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh		Số dư	
	SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		25/12	Ngân hàng TMCP Quân đội trả lãi tiền gửi	112		2.859.353		
		31/12	Ngân hàng Ngoại th- ơng trả lãi tiền gửi	112		22489		
		31/12	KC Lãi tiền gửi ngân hàng T10+11 sang thu nhập HĐ TC	338		6.504.943		
			Kết chuyển thu nhập HĐTC sang XĐKQ - KD	911	9.386.785			
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>9.386.785</b>	<b>9.386.785</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính**

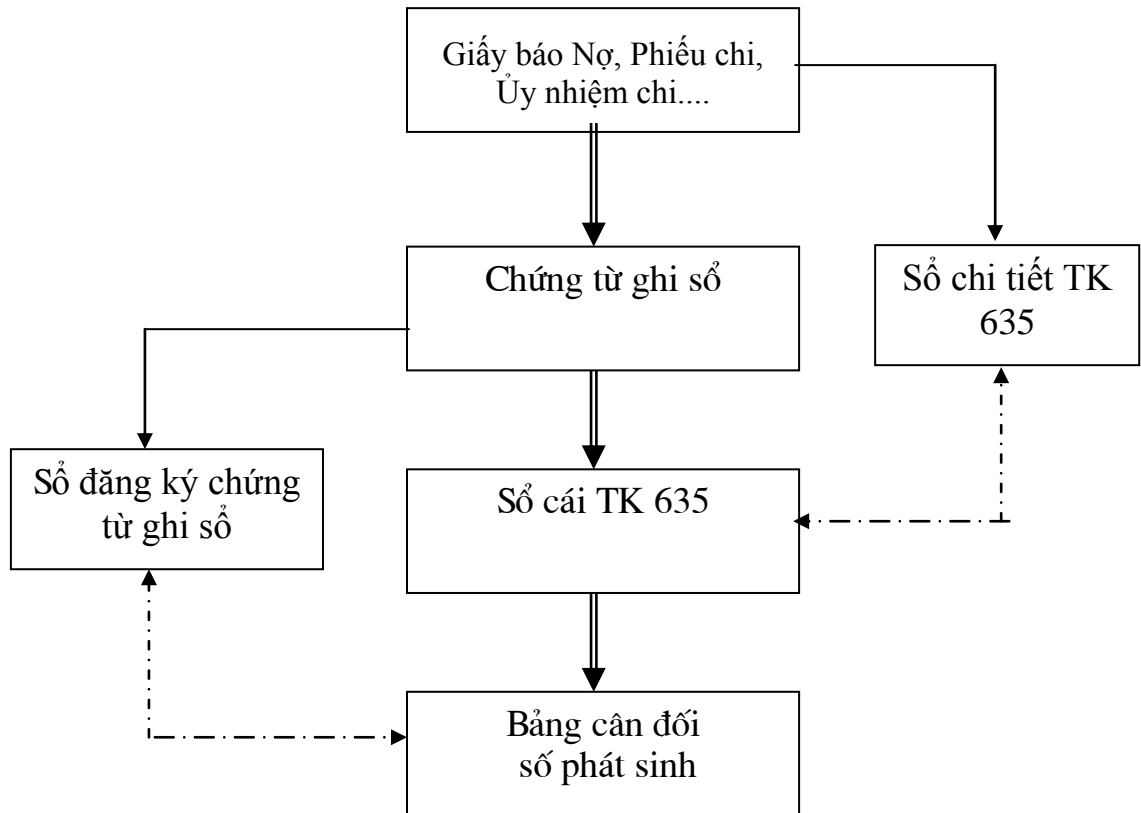
Đặc điểm: Chi phí tài chính phát sinh tại Xí nghiệp chủ yếu là các khoản tiền lãi vay mà Xí nghiệp phải trả khi đi vay vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

\* Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng.

\* Tài khoản sử dụng:

TK635 và các TK khác có liên quan

\* Quy trình hạch toán chi phí tài chính.



**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán Chi phí tài chính tại Xí nghiệp 7.**

\* Ví dụ: Ngày 31/12 phát sinh nghiệp vụ Xí nghiệp trả tiền lãi vay ngân hàng. Đ/c Vũ Thị Thà Ban tài chính thanh toán số tiền 79.418.813 đồng tiền lãi vay ngân hàng.

**Công ty Xây Dựng 319**

**Xí nghiệp 7**

====\*\*\*=====

**Mẫu số 02-TT**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ tr-ởng BTC*

**Phiếu chi**

**Số : 362**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Nợ : 635

Có :111

Họ và tên ng-ời nhận tiền : **Đông chí Vũ Thị Thà**

Địa chỉ : **Ban hành chính**

Lý do chi : **Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng tháng 12/2009**

Số tiền : **79.418.813 đồng**

Bằng chữ : *( Bảy chín triệu bốn trăm mười tám nghìn tám trăm mười ba đồng ./.)*

Kèm theo ..... Chứng từ gốc .....

Ng-ời nhận tiền      Thủ quỹ      Kế toán      Kế toán tr-ởng      Giám đốc XN

**Công ty Xây Dựng 319**

Mẫu số SO2a-DN

**XÍ NGHIỆP 7**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

Tập số 05

Số: 373/CT

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
<b>Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng tháng 12/2009</b>	<b>635</b>	<b>111</b>	<b>79.418.813</b>	
Lãi vay cá nhân phải trả quý 4/2009	635	338	40.354.940	
Kết chuyển tiền lãi vay tháng 10+11 sang chi phí HĐ TC	635	338	130.068.325	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>249.842.078</b>	

Ng- ời lập biên

Kế toán tr- ờng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)



**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số SO2b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
**NĂM 2009**

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
<b>373</b>	<b>31/12</b>	<b>Tập hợp các khoản chi phí tài chính</b>	<b>249.842.078</b>
.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.128.432.973.806</b>

*Người ghi sổ*

*Kế toán tr-ởng*

*Giám đốc*

Công ty Xây Dựng 319

XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2c1-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2009

Số TT nghiep vu	Chung tu ghi so		Diễn giải	Tk ....	Tk 635		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
12	373	31/12	<b>Tập hợp các khoản chi phí tài chính phát sinh</b>		<b>249.842.078</b>		
52	382	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC sang XĐKQ - KD			<b>249.842.078</b>	
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>249.842.078</b>	<b>249.842.078</b>	
			<b>Số d- tháng 11 chuyển sang</b>				
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>963.570.490</b>	<b>963.570.490</b>	
			<b>Số d- cuối tháng 12 năm 2009</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Công ty Xây Dựng 319

Mẫu số S38-DN

XÍ NGHIỆP 7

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TK 635**

**Chi phí tài chính**

Tháng 12 năm 2009

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh		Số dư	
	SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		25/12	Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng tháng 12/2009	111	79.418.813			
		31/12	Lãi vay cá nhân phải trả quý 4/2009	112	40.354.940			
		31/12	Kết chuyển tiền lãi vay tháng 10+11 sang chi phí HĐ TC	338	130.068.325			
			.....		.....			
		31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC sang XĐKQ - KD	911		249.842.078		
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>249.842.078</b>	<b>249.842.078</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác.**

-Trong năm 2009 Xí nghiệp không phát sinh thu nhập và chi phí khác.

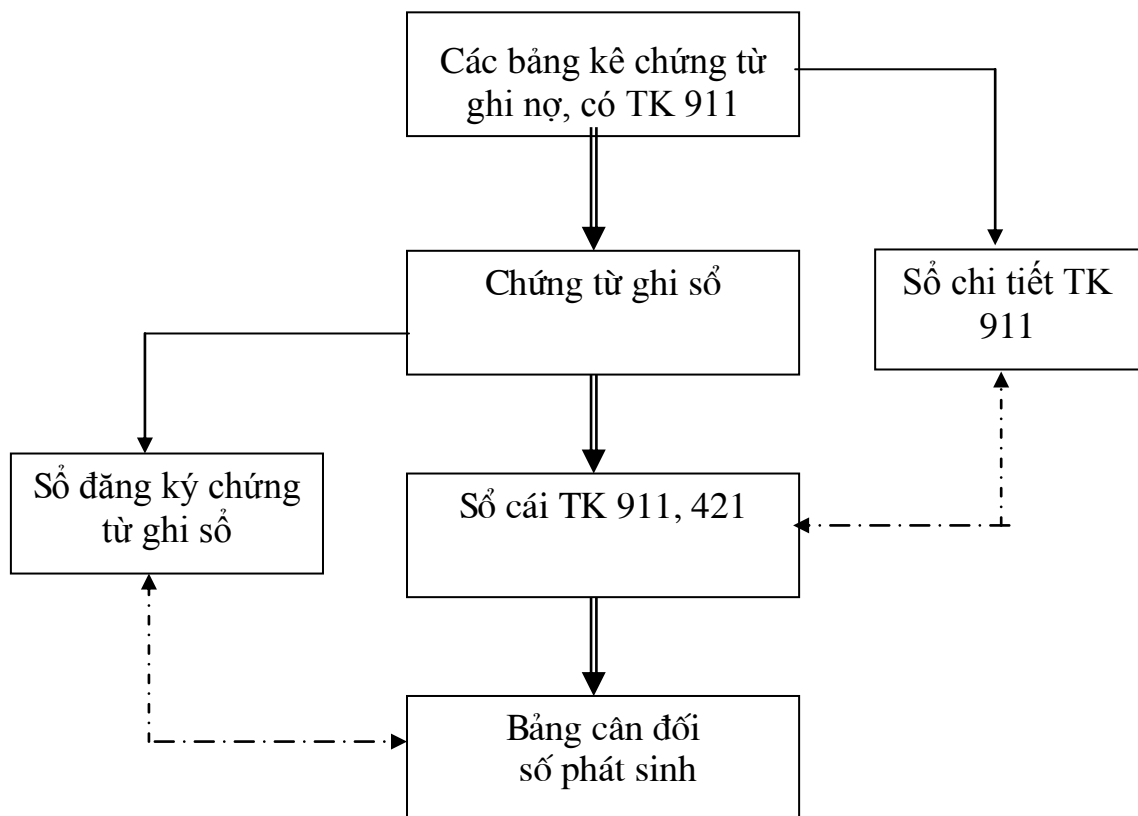
**2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

\* Tài khoản sử dụng:

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 – Lợi nhuận sau thuế TNDN

\* Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh.



**Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán Kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7**

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI CÓ TK 911**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số	Ngày	Nội dung	Số tiền ghi có TK 911	Số tiền ghi nợ TK 511
	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần sang XĐKQ- KD	31.801.522.593	31.801.522.593
		Cộng	31.801.522.593	31.801.522.593

**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI NỢ TK 911**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số	Ngày	Nội dung	Số tiền ghi nợ TK 911	Số tiền ghi có TK 632
	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang XĐKQ	29.284.293.513	29.284.293.513
		Cộng	29.284.293.513	29.284.293.513

Ngoài ra kế toán Xí nghiệp còn lập các bảng kê thể hiện các bút toán kế chuyển doanh chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và lợi nhuận sau thuế.

**Công ty Xây Dựng 319**

Mẫu số SO2a-DN

**XÍ NGHIỆP 7**

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

Tập số 05

Số: 395/CT

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí chờ phân bổ sang XĐKQ - KD	911	142	691.594.593	
KC chi phí QLXN sang TK xác định kết quả SXKD	911	642	798.095.194	
Kết chuyển giá vốn hàng bán sang XĐKQ	911	632	29.284.293.513	
Kết chuyển chi phí HĐTC sang XĐKQ - KD	911	635	249.842.078	
Kết chuyển chi phí thuế thu nhập DN	911	821	196.771.000	
Xác định kết quả SXKD quý 4 năm 2009	911	421	590.313.000	
<b>Cộng</b>			<b>31.810.909.378</b>	

Ng- ời lập biên

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

**Công ty Xây Dựng 319**

Mẫu số SO2a-DN

**XÍ NGHIỆP 7**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC*

Tập số 05

Số: 396

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu thuần sang XĐKQ	511	911	31.801.522.593	
Kết chuyển thu nhập HĐTC sang XĐKQ - KD	515	911	9.386.785	
.....			.....	
<b>Cộng</b>			<b>31.810.909.378</b>	

Ng- ời lập biên  
(kí, họ tên)

Kế toán tr- ờng  
(kí, họ tên)

**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số SO2b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
**NĂM 2009**

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....	.....	.....	.....
395	31/12	KC doanh thu, lợi nhuận	31.810.909.378
396	31/12	KC chi phí	31.810.909.378
.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.128.432.973.806</b>

*Người ghi sổ*

*Kế toán tr-ởng*

*Giám đốc*



Công ty Xây Dựng 319

XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2c1-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2009

Số TT nghiep vu	Chung tu ghi so		Diễn giải	Tk ....	Tk 911		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
51	395	31/12	KC các khoản chi phí, lợi nhuận		31.810.909.378		
52	396	31/12	KC các khoản doanh thu			31.810.909.378	
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>31.810.909.378</b>	<b>31.810.909.378</b>	
			<b>Số d- tháng 11 chuyển sang</b>				
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>90.618.675.232</b>	<b>90.618.675.232</b>	
			<b>Số d- cuối tháng 12 năm 2009</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**SỔ CHI TIẾT TK 911**

**Xác định kết quả kinh doanh**

Tháng 12 năm 2009

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh		Số dư	
	SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		31/12	Chi phí chờ phân bổ sang TK xác định KQSXKD	142	691.594.593			
		31/12	Chi phí QLXN sang TK XD KQ SX KD	642	798.095.194			
		31/12	Giá vốn hàng bán sang TK XĐKQ quý 4 đội XD 7.1	632	1.495.276.614			
			.....		.....	.....		
		31/12	Doanh thu thuần sang TK xác định kết quả SXKD XD 7.1	511		1.624.995.454		
		31/12	Doanh thu thuần sang TK xác định kết quả SXKD XD 7.2	511		4.539.441.499		
			.....		.....	.....		
		31/12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK xác định KQSX	821	196.771.000			
		31/12	Xác định Kết quả sản xuất kinh doanh quý 4/2009	421	590.313.000			
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>31.810.909.378</b>	<b>31.810.909.378</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Công ty Xây Dựng 319**

**XÍ NGHIỆP 7**

*Mẫu số SO2c1-DN*

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC*

**SỔ CÁI**

*Tháng 12 năm 2009*

Số TT nghiep vu	Chung tu ghi so		Diễn giải	Tk ....	Tk 421		Tk ...
	SH	Ngày			Nợ	Có	
			.....		.....	.....	
51	395	31/12	Xác định kết quả SXKD quý 4 năm 2009			590.313.000	
53	397	31/12	Trích lập quỹ + các khoản nộp ngân sách từ lợi nhuận		1.478.913.000		
			.....		.....	.....	
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>1.478.913.000</b>	<b>590.313.000</b>	
			<b>Số d- tháng 11 chuyển sang</b>			<b>888.600.000</b>	
			<b>Cộng phát sinh lũy kế 12 tháng năm 2009</b>		<b>1.478.913.000</b>	<b>1.478.913.000</b>	
			<b>Số d- cuối tháng 12 năm 2009</b>				

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

NGƯỜI GHI SỐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Công ty Xây Dựng 319**  
**XÍ NGHIỆP 7**

Mẫu số S38-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TK 421**

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Tháng 12 năm 2009

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Dư đầu tháng</b>					<b>888.600.000</b>
		31/12	Xác định kết quả SXKD quý 4/2009	911		590.313.000		
		31/12	<b>Trích lập các quỹ</b>	411	651.203.800			
		31/12		414	316.236.200			
		31/12		415	266.968.000			
		31/12		431	244.505.000			
			<b>Cộng Phát sinh tháng 12</b>		<b>1.478.913.000</b>	<b>1.478.913.000</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI GHI SỐ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

### CHƯƠNG 3

## **HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319**

### **3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7.**

Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319 – Quận khu 3 từ ngày thành lập tới nay trải qua hơn 30 năm đã lớn mạnh không ngừng cả về quy mô lẫn chất lượng sản xuất và đã tự khẳng định được vị trí, vai trò của mình trên thị trường xây dựng cơ bản trong cả nước. Xí nghiệp đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm xây lắp có chất lượng cao, kiểu dáng đẹp, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp Xí nghiệp từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên trong toàn Xí nghiệp.

#### **3.1.1. Kết quả đạt được.**

Xí nghiệp 7 là một đơn vị hạch toán độc lập thuộc thành phần kinh tế quốc doanh, tuy nhiên nhiều mặt còn chịu sự quản lý, chỉ đạo của Nhà nước, của Công ty mẹ Xí nghiệp 7 đã xây dựng được một mô hình quản lý và hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đảm bảo đứng vững và phát triển trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt hiện nay. Có thể thấy rõ điều đó qua các mặt sau:

#### ***Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp.***

- Hiện nay Xí nghiệp đang tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Đứng đầu là kế toán trưởng đã chỉ đạo công tác kế toán và 4 nhân viên kế toán tại Ban tài chính Xí nghiệp. Việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người.

Với 5 thành viên kế toán của Ban tài chính và các nhân viên kế toán của các đội sản xuất, mỗi người đều nhận nhiệm vụ riêng, tuy khối lượng nghiệp vụ kế toán phát sinh là khá nhiều nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đều được hạch toán đầu đủ. Tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của hoạt động bán hàng, của hoạt động tài chính. Phân bổ một cách hợp lý các chi phí cho từng mặt hàng tiêu thụ quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

***Thứ hai: Về hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng tại Xí nghiệp.***

Hiện nay Xí nghiệp áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006 của BTC. Xí nghiệp đã vận dụng đúng theo chế độ về tài khoản kế toán, chứng từ, sổ sách kế toán. Xí nghiệp đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán mới, tổ chức công tác kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng... giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của Xí nghiệp và của các đối tượng khác có liên quan.

Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Xí nghiệp là hình thức chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính, nhất là trong điều kiện hiện nay Xí nghiệp đang tiến hành “Vi tính hoá” phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán kế toán. Xí nghiệp mở đầy đủ các sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ, các sổ đều được ghi chép đầy đủ, đúng kết cấu của mẫu sổ.

Hiện nay Xí nghiệp sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thông xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Xí nghiệp áp dụng đầy đủ các tài khoản kế toán, cụ thể phần hành doanh

thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh: TK 511, 515, 632, 635, 642, 821, 911, 421.

### **3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp còn tồn tại một số hạn chế sau:

#### ***Thứ nhất: Về tài khoản sử dụng và sổ sách sử dụng cho TK 642.***

Hiện nay Xí nghiệp chưa sử dụng các tiêu khoản cho tài khoản 642, dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi các yếu tố chi phí phát sinh cho chi phí quản lý doanh nghiệp. Xí nghiệp đã mở sổ chi tiết TK 642 để tập hợp các khoản chi phí quản lý phát sinh nhưng chưa tập hợp theo các yếu tố chi phí quản lý doanh nghiệp theo chế độ kế toán doanh nghiệp QĐ 15/2006 như:

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Thuế, phí và lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

#### ***Thứ hai: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán.***

Xí nghiệp đang làm kế toán trên Excel mà chưa sử dụng phần mềm. Dẫn đến số liệu kế toán có thể bị sai sót, kế toán phải mất nhiều thời gian công sức đặc biệt vào những ngày cuối quý. Thông tin kế toán cung cấp không kịp thời

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7.**

### ***3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện***

- Ngoài các biện pháp cụ thể để tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng hoàn thiện hơn cũng cần có sự phối hợp giúp đỡ của các phòng ban cũng như các lãnh đạo Xí nghiệp. Lãnh đạo Xí nghiệp là

người có nhiệm vụ quản lý chung toàn bộ tình hình kinh doanh và phải quy định toàn bộ chức năng của các bộ phận ở các phòng ban kho và các đội sản xuất đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để sự luân chuyển chứng từ và thủ tục chứng từ ban đầu hợp lý, khoa học.

- Việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Hoàn thiện tổ chức kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Số liệu kế toán phải được phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Đây là việc làm cần thiết đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; đối với ngân hàng – giúp cho việc tính toán các khoản lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; đối với cơ quan lãnh đạo trong việc đưa ra các phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

### ***3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:***

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để đáp ứng nhu cầu quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài khoản của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước. Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán, đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét ở mọi khía cạnh cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của Công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh



doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ thể lệ tổ chức kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

### ***3.2.3. Một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7.***

Qua quá trình thực tập tại Xí nghiệp 7, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Xí nghiệp vẫn còn có những hạn chế cần được hoàn thiện. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7 như sau:

#### ***3.2.3.1. Giải pháp 1: Về việc hoàn thiện tài khoản sử dụng.***

- Xí nghiệp nên sử dụng tài khoản cấp 2 của TK 642 để thuận tiện cho việc hạch toán từng yếu tố chi phí.

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2.

6421: Chi phí nhân viên quản lý.

6422: Chi phí vật liệu quản lý.

6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

6425: Thuế, phí và lệ phí.

6426: Chi phí dự phòng.

6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

6428: Chi phí bằng tiền khác.

**3.2.3.2. Giải pháp2: Về việc hoàn thiện sổ chi tiết TK 642.**

Hiện nay Xí nghiệp đã mở sổ chi tiết cho tài khoản 642 tuy nhiên các chi phí quản lý chưa được tập hợp theo các yếu tố chi phí của chi phí quản lý doanh nghiệp theo chế độ kế toán doanh nghiệp QĐ 15/2006. Theo em Xí nghiệp nên lập lại sổ chi tiết TK 642 như sau:

**Công ty Xây Dựng 319**  
**Xí nghiệp 7**

Mẫu số S36-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 642

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 642								
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra							
						CP NV	CP VL	CP đồ dùng VP	CP KH TSCĐ	Thuế, phí, lệ phí	CP dự phòng	CP DV mua ngoài	CP bằng tiền khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư đầu kỳ										
			Số phát sinh										
			Cộng số phát sinh										
			Dư cuối kỳ										

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :.....

**Người ghi sổ**  
(Ký)  
Họ tên:.....

**Phụ trách kế toán**  
(Ký)  
Họ tên:.....

Ngày ... tháng ... năm ...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)  
Họ tên:.....

Sổ chi tiết TK 642 tháng 12/2009 của Xí nghiệp được lập lại như sau:

**Công ty Xây Dựng 319**

**Xí nghiệp 7**

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 642

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 642									
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra								
						CP nhân viên	CP vật liệu	CP đồ dùng văn phòng	CP KH TSCĐ	Thuế, phí, lệ phí	CP dự phòng	CP dịch vụ mua ngoài	CP bằng tiền khác	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			Số dư đầu kỳ											
			Số phát sinh											
			.....											
	1110	2/12	Dùng thanh toán chi tiếp khách	111	1.500.000								1.500.000	
			.....											
	1113	3/12	Thanh toán diệt vi rút, thay trống máy vi tính	1111	540.000			540.000						

			.....									
	1125	7/12	Thanh toán mua thẻ điện thoại	111	272.727							272.727
			.....									
	29	31/12	Mua bàn làm việc	111	1.363.640		1.363.640					
			.....									
		31/12	Phân bổ tiền lương 12/2009 bộ phận QLXN	334	187.794.145	187.794.145						
		31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	57.425.209				57.425.209			
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>798.095.194</b>	<b>263.216.354</b>	<b>22.214.300</b>	<b>1.363.640</b>	<b>57.026.209</b>		<b>66.385.014</b>	<b>387.319.286</b>
			Dư cuối kỳ									

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ :.....

Người ghi sổ  
(Ký, Họ tên)

Phụ trách kế toán  
(Ký, Họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, Họ tên, đóng dấu)

### **3.2.3.3. Giải pháp3: Về việc sử dụng phần mềm kế toán.**

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo thông tin kế toán được lập chính xác, kịp thời. Hiện tại ban tài chính kế toán của Xí nghiệp đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp công ty xây dựng. Xí nghiệp nên chọn cho mình một phần mềm phù hợp.

Ví dụ như: Phần mềm kế toán xây dựng SSOFT FINANCE 9.0

Phần mềm Ssoft Finance 9.0 cho phép quản lý số liệu liên năm. Người sử dụng có thể lên các báo cáo công nợ, các báo cáo liên quan đến các hợp đồng, công trình xây dựng... của nhiều năm mà không phải in riêng từng năm rồi sau đó ghép các báo cáo lại với nhau.

Ssoft Finance 9.0 cung cấp một loạt các báo cáo phân tích số liệu của nhiều kỳ hạch toán kinh doanh khác nhau trên một bảng nhiều cột. Số liệu của mỗi kỳ được in ra ở một cột riêng. Người sử dụng có thể lựa chọn so sánh kỳ báo cáo là ngày, tuần, tháng, quý, năm và số kỳ so sánh là tùy ý. Có các báo cáo so sánh giữa các kỳ kế tiếp và cùng kỳ nhưng so sánh giữa các năm.

Chức năng phân quyền truy nhập theo mã đơn vị cơ sở cho người sử dụng hoặc nhóm người sử dụng nhằm nâng cao tính bảo mật dữ liệu giữa các đơn vị trong công ty. Trong trường hợp này, chương trình sẽ xét các quyền truy nhập theo mã đơn vị cơ sở trước khi xét các quyền trong phần phân quyền chi tiết cho người sử dụng, nhóm người sử dụng. Giao diện và báo cáo theo 2 ngôn ngữ Việt và Anh. Ssoft Finance 9.0 có giao diện và các báo cáo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Thể hiện giao diện chương trình theo các loại: dạng trình đơn (menu đồ xuống), hình cây (dễ dàng mạch lạc) và dạng quy trình (đồ họa thân thiện).

Ssoft Finance 9.0 có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ. Hệ điều hành mạng có thể là Windows Server. Hệ điều hành các máy trạm có thể là Win Vista, Win XP, Win 2000.

Ngoài phần mềm kế toán Ssoft Finance 9.0 trên thị trường còn rất nhiều phần mềm kế toán khác phù hợp với công ty xây dựng. Ban lãnh đạo Xí nghiệp nên lựa chọn phần mềm thích hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.



## KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu chính xác và kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ, công nợ... Phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh từ đó giúp các nhà quản trị đưa ra những quyết định, phương hướng hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn sau.

Trong quá trình làm việc, bộ phận kế toán không thể tránh khỏi những sai sót về xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhưng đó chỉ là tạm thời. Ngày nay Xã hội đã có những bước tiến mới cả về quy mô và chất lượng. Và trong tương lai Xã hội cũng sẽ đạt được những kết quả tốt hơn với sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của ban giám đốc, phòng kế toán và toàn bộ nhân viên trong Xã hội.

Qua quá trình thực tập và làm khóa luận em đã nhận thức sâu sắc hơn về công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Một lần nữa em mong nhận được sự chỉ bảo và góp ý của các thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn và em có thể được củng cố và nâng cao kiến thức hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc và các cô chú, anh chị trong Ban tài chính kế toán của Xã hội 7, các thầy cô trong khoa và đặc biệt là cô – Ths. Trần Thị Thanh Phương đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo em trong suốt thời gian qua.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2010

**Sinh viên**

**Nguyễn Quang Mạnh**



## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Các loại hoạt động trong doanh nghiệp và cách xác định kết quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Sự cần thiết của việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	5
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất .....	5
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu. ....	5
1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.4.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	22
1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính . ....	25
1.4.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính. ....	25
1.4.2.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính. ....	26
1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác . ....	28
1.4.3.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác. ....	28
1.4.3.2. Tổ chức kế toán chi phí khác . ....	29
1.4.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	31
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	33
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319</b> .....	38
2.1. Khái quát về Xí nghiệp 7 .....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển. ....	38
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp 7 .....	40
<hr/>	
Sinh viên: Nguyễn Quang Mạnh - Lớp: QTL 201K	97

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Xí nghiệp 7.....	43
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp 7.....	43
2.1.3.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Xí nghiệp 7.....	46
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7.....	47
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.	47
2.2.1.1. Đặc điểm kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu. ....	47
2.2.1.2. Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán. ....	47
2.2.1.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán tại Xí nghiệp 7.....	48
2.2.1.4. Kế toán chi phí bán hàng.....	58
2.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	58
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	64
2.2.2.1 Kế toán doanh thu tài chính .....	64
2.2.2.2 Kế toán chi phí tài chính .....	69
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác. ....	76
2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	76
<b>CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319</b> .....	85
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7.....	85
3.1.1. Kết quả đạt được. ....	85
3.1.2. Hạn chế.....	87
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7.....	87
3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	87
3.2.3. Một số giải pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp 7 .....	89

3.2.3.1. Giải pháp1: Về việc hoàn thiện tài khoản sử dụng. ....	89
3.2.3.2. Giải pháp2: Về việc hoàn thiện sổ chi tiết TK 642.....	90
3.2.3.3. Giải pháp3: Về việc sử dụng phần mềm kế toán. ....	94
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>96</b>